

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU HÀNG THỦ CÔNG
MỸ NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI BẮC NINH



ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ:

**“SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU HÀNG THỦ
CÔNG MỸ NGHỆ”**

**Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Hoàng Mai, phường Nénh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.**

BẮC NINH, NĂM 2026

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU HÀNG THỦ CÔNG
MỸ NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI BẮC NINH



ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ:

**“SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU HÀNG THỦ
CÔNG MỸ NGHỆ”**

**Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Hoàng Mai, phường Nénh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.**

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, XUẤT
KHẨU HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ VÀ
THƯƠNG MẠI BẮC NINH



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiên Phong

BẮC NINH, NĂM 2026

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT,
XUẤT KHẨU HÀNG THỦ CÔNG
MỸ NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI
BẮC NINH
Số:28/ĐKMT**

V/v đăng ký môi trường của cơ sở
“Sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công
mỹ nghệ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nénh, ngày 12 tháng 05 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân phường Nénh

Công ty TNHH Sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh là chủ đầu tư của cơ sở “Sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ” thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty TNHH Sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh: Số nhà B12-08, Lotus 3, Vinhomes, Gardenia, Đường Hàm Nghi, phường Từ Liêm, TP Hà Nội.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số: 0100968940 do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp; đăng ký lần đầu ngày 28/05/1999, thay đổi lần thứ 16 ngày 29/06/2021.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiên Phong

- Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0435117663;

Công ty TNHH Sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh đăng ký môi trường cho cơ sở “Sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ” với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án: Sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ

- Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Hoàng Mai, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 294974*), có

diện tích 16.709,0 m²

- Tổng vốn đầu tư: 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng*).
- Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư: Đến ngày 28/05/2032.

***Xác định đối tượng lập lại hồ sơ môi trường:**

- Cơ sở đã có Đề án bảo vệ môi trường dự án “Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ” của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và Thương mại Bắc Ninh được cấp giấy xác nhận đăng ký số 09/GXN – TNMT, ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Phòng tài nguyên và Môi trường huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Hiện tại, Công ty bổ sung công đoạn sơn vào dây chuyền sản xuất dẫn tới phát sinh nước thải sản xuất.

- Căn cứ lập hồ sơ môi trường sau khi thay đổi công nghệ sản xuất của công ty như sau:

+ Nước thải sản xuất tại cơ sở được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 10m³/ngày đêm để xử lý sau đó tái sử dụng, tuần hoàn lại phục vụ công đoạn sản xuất.

+ Cơ sở có 15 công, nhân viên có mặt thường xuyên tại dự án, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa là 1,05m³/ngày.đêm;

+ Cơ sở không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường (<5.000m³/giờ) phải được xử lý;

Như vậy, cơ sở không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường (*do không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Luật Bảo vệ môi trường đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường*).

Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 49, Luật BVMT 2020, Cơ sở “Xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ” thuộc đối tượng phải thực hiện đăng ký môi trường và thuộc thẩm quyền cấp Đăng ký môi trường của Ủy ban nhân dân cấp phường/xã theo quy định tại khoản 3, Điều 49, Luật BVMT 2020.

- Quy mô, công suất, công nghệ và loại hình sản xuất của cơ sở:

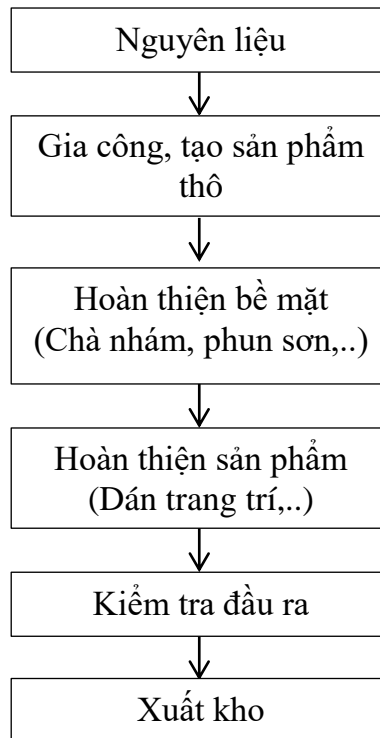
+ Mục tiêu, quy mô cơ sở:

• Sản xuất các sản phẩm thủ công nghiệp để xuất khẩu với quy mô 45.000 sản phẩm/năm;

• Cho thuê nhà xưởng và các công trình phụ trợ với quy mô 3.000 m²

+ Công nghệ và loại hình hoạt động của cơ sở

** Quy trình sản xuất các sản phẩm thủ công nghiệp*



Hình 1. Quy trình sản xuất các sản phẩm thủ công nghiệp

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu: Nguyên liệu đầu vào gồm vỏ ốc, vỏ trai,... và gỗ, tre, nứa,... được thu mua từ các nguồn trong nước. Tại cơ sở, nguyên liệu được phân loại, làm sạch và kiểm tra chất lượng nhằm đảm bảo đạt yêu cầu về kích thước, độ cứng và tính thẩm mỹ trước khi đưa vào sản xuất.

Gia công, tạo sản phẩm thô: Vỏ ốc và vỏ trai,.. được rửa sạch, sau đó tiến hành cắt, mài và tạo hình thành các mảnh nhỏ phù hợp với họa tiết trang trí. Gỗ, tre, nứa,... được cưa, xẻ, bào và gia công thành các sản phẩm thô như hộp, lọ hoa, chậu cây hoặc các chi tiết nền để trang trí.

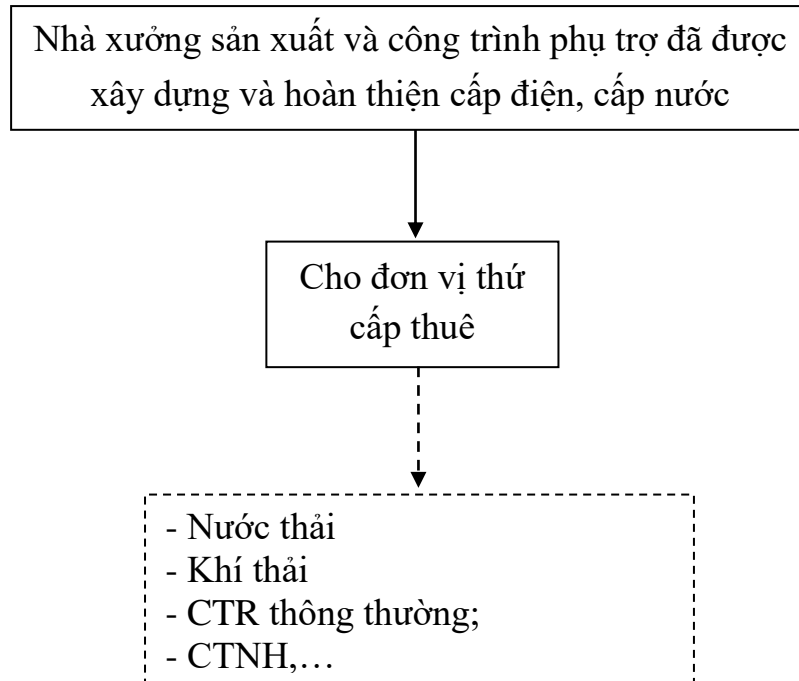
Hoàn thiện bề mặt (chà nhám, phun sơn,...): Các sản phẩm thô được chà nhám để làm nhẵn bề mặt, loại bỏ dăm và tạo độ bám dính tốt. Tùy từng loại sản phẩm sẽ tiến hành phun sơn và sấy khô bằng gió nóng theo yêu cầu của khách hàng.

Hoàn thiện sản phẩm (dán/khảm trang trí,...): Các mảnh vỏ ốc và vỏ trai, chi tiết trang trí... sau khi gia công được sắp xếp, phối màu và dán/khảm lên bề mặt sản phẩm theo thiết kế. Công đoạn này yêu cầu sự tỉ mỉ, chính xác và tay nghề cao để tạo ra hoa văn tinh xảo, mang tính mỹ thuật.

Kiểm tra đầu ra: Sản phẩm sau khi hoàn thiện được kiểm tra về chất lượng, độ bám dính của vật liệu khảm, màu sắc và hình thức. Những sản phẩm không đạt yêu cầu sẽ được loại bỏ hoặc chỉnh sửa.

Xuất kho: Các sản phẩm đạt tiêu chuẩn được đóng gói, bảo quản trong kho và chuẩn bị xuất bán ra thị trường. Việc đóng gói đảm bảo an toàn, hạn chế va đập và hư hỏng trong quá trình vận chuyển.

** Quy trình cho thuê nhà xưởng sản xuất và công trình phụ trợ*



Hình 2. Quy trình cho thuê nhà xưởng sản xuất và công trình phụ trợ kèm theo dòng thải

Các ngành nghề thu hút đầu tư: Các đơn vị đến thuê xưởng và công trình phụ trợ phải có ngành nghề phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của CCN Hoàng Mai.

Công ty TNHH Sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh có trách nhiệm hoàn thiện việc đấu nối cấp điện; cấp nước; PCCC; xây dựng nhà vệ sinh; hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Các đơn vị sau khi thuê nhà xưởng và công trình phụ trợ phải thực hiện các thủ tục về môi trường theo quy định của Pháp luật.

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và các sản phẩm của cơ sở:

Đối với hoạt động cho thuê nhà xưởng, công trình phụ trợ Công ty TNHH Sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh không cung cấp nguyên, nhiên vật liệu cho quá trình sản xuất của các đơn vị này.

Đối với hoạt động sản xuất, cơ sở sử dụng nguyên, nhiên liệu, hóa chất như

sau:

2.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

Cơ sở sử dụng nguyên, nhiên liệu, vật liệu sản xuất trong 1 năm như sau:

STT	Nguyên vật liệu	Khối lượng	Đơn vị
1	Gỗ dán	500	M ² /năm
2	Gỗ MDF	2.000	M ² /năm
3	Gỗ thông	20	Tấn/năm
4	Tre, nứa, mây,...	1,5	Tấn/năm
5	Vỏ ốc, vỏ trai,...	1,5	Tấn/năm
6	Keo sữa	10	Tấn/năm
7	Keo chống thấm	1,5	Tấn/năm
8	Sơn	1,2	Tấn/năm
9	Keo 502	200	Kg/năm
10	Xăng thơm	8,5	Tấn/năm

2.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước

a./ Nhu cầu về điện:

Nguồn cung cấp điện cho Công ty: Đầu nối trực tiếp từ hệ thống cấp điện của CCN Hoàng Mai vào trạm biến áp nằm trong cơ sở.

Điện được sử dụng để phục vụ các nhu cầu:

- Phục vụ cho dây chuyền sản xuất.
- Phục vụ cho nhu cầu của công nhân viên, chiếu sáng xung quanh.

Dự kiến điện tiêu thụ trung bình khoảng 34.500 Kwh/tháng.

b./ Nhu cầu sử dụng nước:

Nhà máy sẽ sử dụng nguồn nước sạch của hạ tầng CCN, lắp đặt đồng hồ riêng để đo lượng nước tiêu thụ. Nguồn nước chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của công nhân viên.

** Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt:*

+ Đối với chủ cơ sở:

Công ty tổ chức nấu ăn ca; người lao động không lưu trú tại công ty; số lượng công nhân viên của công ty khoảng 15 người thường xuyên có mặt tại cơ sở.

Lấy theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13606:2023 – Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế là 70 lít/người/ca. Như vậy, nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt khoảng:

$$70 \text{ lít/người} \times 15 \text{ người} = 1,05 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Vậy nhu cầu sử dụng nước dự kiến cho sinh hoạt lớn nhất khoảng: 1,05m³/ngày đêm.

+ Đối với đơn vị thuê nhà xưởng và công trình phụ trợ:

Đơn vị thuê nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ sẽ có hồ sơ môi trường riêng và đánh giá cụ thể nhu cầu sử dụng nước phục vụ sản xuất cho đơn vị mình.

** Nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất:*

+ Đối với chủ cơ sở:

+ Quá trình sản xuất có công đoạn sơn. Sử dụng bẫy nước để dập bụi sơn. Tuy nhiên, lượng nước này sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất được tuần hoàn sử dụng lại. Do đó, cơ sở chỉ cần bổ sung trong quá trình bốc hơi làm thất thoát hơi nước nhưng không đáng kể. Dự kiến trung bình mỗi ngày sẽ bổ sung khoảng 0,5 m³/ngày.đêm.

+ Quá trình sản xuất có công đoạn cắt, mài. Sử dụng nước để dập bụi từ quá trình này. Nước sau khi dập bụi được chảy qua bể cát lọc và than hoạt tính. Sau đó được tuần hoàn sử dụng lại. Do đó, cơ sở chỉ cần bổ sung trong quá trình bốc hơi làm thất thoát hơi nước nhưng không đáng kể. Dự kiến trung bình mỗi ngày sẽ bổ sung khoảng 0,5 m³/ngày.đêm.

+ Đối với đơn vị thuê xưởng, văn phòng:

Đơn vị thuê nhà xưởng, văn phòng sẽ có hồ sơ môi trường riêng và đánh giá cụ thể nhu cầu sử dụng nước phục vụ sản xuất cho đơn vị mình.

** Nhu cầu sử dụng nước rửa đường:*

Trung bình 1 ngày phun rửa đường 1 lần. Lượng nước rửa đường 1 ngày khoảng 1m³/ngày.

** Nhu cầu sử dụng nước tưới cây:*

Trung bình 1 ngày tưới cây 1 lần. Lượng nước tưới cây trong một ngày khoảng 0,5 m³ /ngày.

STT	Nhu cầu sử dụng nước cấp	Đơn vị	Lượng nước sử dụng
1	Nước cấp cho sinh hoạt	m ³ /ngày	1,05
2	Nước cấp cho sản xuất	m ³ /ngày	1
3	Nước cấp cho tưới cây, rửa sân đường nội bộ	m ³	0,5
	Tổng lượng nước cấp sử dụng		2,55

2.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất:

+ Đối với chủ cơ sở:

Công ty TNHH Sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh sử dụng mật ri đường khoảng 05kg/lần/6 tháng bổ sung cho các bể tự hoại.

+ Đối với đơn vị thuê xưởng, văn phòng:

Đơn vị thuê nhà xưởng, văn phòng sẽ có hồ sơ môi trường riêng và đánh giá cụ thể nhu cầu sử dụng nước phục vụ sản xuất cho đơn vị mình.

🚦 Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

❖ Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất

Cơ sở sử dụng máy móc, thiết bị chung cho các sản phẩm, các máy móc đều hoạt động tốt và áp dụng công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường.

Bảng 1: Danh mục máy móc chính phục vụ cho cơ sở

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Xuất xứ	Tình trạng
1	Máy cưa đĩa	01	Chiếc	Trung Quốc	Hoạt động tốt
2	Máy cưa vanh	01	Chiếc	Trung Quốc	Hoạt động tốt
3	Máy mài	03	Chiếc	Trung Quốc	Hoạt động tốt
4	Máy cắt cầm tay	03	Chiếc	Trung Quốc	Hoạt động tốt
5	Máy phun sơn	02	Chiếc	Trung Quốc	Hoạt động tốt
6	Máy sấy khí	01	Chiếc	Trung Quốc	Hoạt động tốt

❖ Hạng mục công trình phụ vụ cho hoạt động của cơ sở

Bảng 2: Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Nhóm hạng mục	Đơn vị	Diện tích xây dựng
I	Các hạng mục công trình chính		
1	Nhà xưởng số 01	m ²	1.250
2	Nhà xưởng số 02	m ²	1.250
3	Nhà xưởng số 03	m ²	1.250
4	Nhà xưởng số 04	m ²	1.250
5	Xưởng sơn	m ²	150
6	Nhà điều hành	m ²	150
II	Các hạng mục công trình phụ trợ		
1	Nhà bảo vệ	m ²	30
2	Nhà để xe	m ²	100
3	Nhà ăn	m ²	150
III	Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường		
1	Kho lưu chứa rác	m ²	36
2	Bể tự hoại	Bể	01

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của cơ sở:

3.1. Loại và khối lượng nước thải dự kiến phát sinh

a./ Đối với chủ cơ sở:

** Nước thải sản xuất:*

+ Quá trình sản xuất có công đoạn sơn. Sử dụng bầy nước để đập bụi sơn. Tuy nhiên, lượng nước này sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất được tuần hoàn sử dụng lại. Do đó, cơ sở chỉ cần bổ sung trong quá trình bốc hơi làm thất thoát hơi nước nhưng không đáng kể. Dự kiến trung bình mỗi ngày sẽ bổ sung khoảng 0,5 m³/ngày.đêm.

+ Quá trình sản xuất có công đoạn cắt, mài. Sử dụng nước để đập bụi từ quá trình này. Nước sau khi đập bụi được chảy qua bể cát lọc và than hoạt tính. Sau đó được tuần hoàn sử dụng lại. Do đó, cơ sở chỉ cần bổ sung trong quá trình bốc hơi làm thất thoát hơi nước nhưng không đáng kể. Dự kiến trung bình mỗi ngày sẽ bổ sung khoảng 0,5 m³/ngày.đêm.

** Nước thải sinh hoạt:*

Như đã đánh giá tại mục 2.2 nhu cầu sử dụng nước của cơ sở như sau:

+ Lượng nước phục vụ sinh hoạt của chủ cơ sở với khoảng 15 người, dự kiến khoảng 1,05 m³/ngày.đêm.

Nguồn nước phục vụ tưới cây rửa đường tại cơ sở khoảng : 0,5 m²/ngày.

Theo Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 về thoát nước thải và xử lý nước thải thì lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp nên lưu lượng nước thải sinh hoạt của cơ sở phát sinh khoảng 1,05 m³/ngày đêm.

Dựa theo số liệu của Tổ chức y tế thế giới về tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trên một đầu người (*WHO – Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí – tập I, Geneva, 1993*), tải lượng và nồng độ các chất gây ô nhiễm có thể phát sinh do quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong giai đoạn vận hành ổn định (nếu không được xử lý) được tính toán như sau: *Tải lượng các chất ô nhiễm = Số người x Hệ số phát thải;*

Nồng độ các chất ô nhiễm = Tải lượng chất ô nhiễm/tổng lượng nước thải

Dự báo nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của cơ sở chưa qua hệ thống xử lý được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 3. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của cơ sở chưa qua hệ thống xử lý

TT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/người/ngày)		Tải lượng (g/ngày)		Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)		QCVN 14:2025 (Cột B) F≤2000
		Min	Max	Min	Max	Min	Max	
1	BOD ₅	45	54	675	810	643	771	≤30
2	COD	85	102	1.275	1.530	1.214	1.457	≤60
3	TSS	170	220	2.550	3.300	2.429	3.143	≤100
4	Dầu mỡ ĐTV	0	30	0	450	0	492	≤15
5	Tổng nitơ	6	12	90	180	86	171	≤30
6	Nitơ hữu cơ	2,4	4,8	36	72	34	69	-
7	NH ₄ ⁺	3,6	7,2	54	108	51	103	≤8
8	Tổng P	0,8	4	12	60	11	57	-
9	Tổng Coliforms	10 ⁶ - 10 ⁹ (10 ⁷)						≤5.000

(Nguồn: WHO – Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí – tập I, Geneva, 1993).

Nhận xét:

So sánh với cột B, Quy chuẩn 14:2025/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt chưa xử lý vượt giới hạn cho phép rất nhiều lần.

Đặc trưng của nước thải sinh hoạt là chứa một lượng lớn tổng chất rắn lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (BOD₅), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,... và các vi khuẩn Coli. Nếu như lượng nước thải này không được thu gom, xử lý mà thải trực tiếp ra ngoài môi trường sẽ gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

* *Đối với nước mưa chảy tràn:*

Lưu lượng nước mưa lớn nhất chảy tràn từ khu vực nhà máy được xác định theo công thức thực nghiệm sau:

$$Q = 0,278 \times \psi \times F \times h \text{ (m}^3/\text{s)}$$

(Nguồn: *Trần Đức Hạ - Giáo trình Bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản - NXB Xây dựng - Hà Nội - 2010*)

Trong đó:

0,278 - Hệ số quy đổi đơn vị.

h - Cường độ mưa lớn nhất tại trận mưa tính toán, mm/h (h = 100 mm/h).

F- Diện tích nhà máy (km²)

ψ: hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào đặc điểm mặt phủ, độ dốc (ψ)

STT	Loại mặt phủ	ψ
1	Mái nhà, đường bê tông	0,80 - 0,90
2	Đường nhựa	0,60 - 0,70
3	Đường lát đá hộc	0,45 - 0,50
4	Đường rải sỏi	0,30 - 0,35
5	Mặt đất san	0,20 - 0,30
6	Bãi cỏ	0,10 - 0,15

(Nguồn: *TCXDVN 51:2006*)

Mặt bằng cơ sở chủ yếu là mái nhà và đường bê tông nên chọn ψ = 0,85. Thay số vào công thức trên tính được tổng lưu lượng nước mưa chảy tràn trên nền diện tích nhà máy là 16.709,0 m² tương đương khoảng 0,016709 km² khoảng 0,395 m³/s.

Lượng chất rắn (chất không hoà tan) tích tụ tại khu vực được xác định theo công thức sau:

$$M = M_{\max} (1 - e^{-kz.t}).F \text{ (kg)}$$

(Nguồn: *Giáo trình Bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản - NXB Xây dựng - Trần Đức Hạ*)

Trong đó:

M: Lượng chất bẩn có thể tích tụ lớn nhất tại khu vực nhà máy

$M_{\max} = 250 \text{ kg/ha}$.

Hệ số động học tích lũy chất bẩn, $K_z = 0,4/\text{ngày}$.

t: Thời gian tích lũy chất bẩn, 15 ngày.

F: Diện tích khu vực nhà máy. $F = 1,6709 \text{ ha}$

Thay các giá trị vào công thức trên tính được lượng chất bẩn tích tụ tại khu vực nhà máy khoảng 416,7 kg, lượng chất bẩn này theo nước mưa chảy tràn gây tác động lớn tới nguồn thủy vực tiếp nhận là hệ thống thoát nước của khu vực.

Nồng độ chất ô nhiễm trong nước mưa phụ thuộc vào thời gian giữa hai trận mưa liên tiếp và điều kiện vệ sinh bề mặt khu vực. Hàm lượng ô nhiễm tập trung chủ yếu vào đầu trận mưa (gọi là nước mưa đợt đầu: tính từ khi mưa bắt đầu hình thành dòng chảy trên bề mặt cho đến 15 hoặc 20 phút sau đó). Đặc trưng ô nhiễm nước mưa đợt đầu như sau: Hàm lượng BOD₅ khoảng: 35 - 50 mg/l. TSS khoảng: 1500 - 1800 mg/l.

- *Đánh giá tác động:*

Ảnh hưởng đến sinh thái và dòng chảy tự nhiên của khu vực: Tác động của mưa lũ làm phá vỡ trạng thái cân bằng tự nhiên cũng như làm thay đổi quy luật dòng chảy dẫn đến làm tắc nghẽn dòng chảy có thể ngập úng, xói mòn. Ngoài ra, lượng chất bẩn tích tụ trong khoảng 15 ngày ở bãi sẽ theo nước mưa chảy tràn gây tác động đến đời sống thủy sinh và gây ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận. Nếu lượng nước mưa này không được thu gom, nạo vét thường xuyên có thể gây ra ngập úng và gây tác động tiêu cực đến nguồn nước bề mặt và đời sống thủy sinh vật trong môi trường nước khu vực tiếp nhận.

Nước mưa là một trong những nguồn gây ô nhiễm môi trường, nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, cặn dầu mỡ, các chất thải sinh hoạt vương vãi là đáng kể. Nồng độ cũng như dạng ô nhiễm phụ thuộc vào tính chất bề mặt phủ. Các dạng tác động của nước cuốn trôi bề mặt thường gặp là:

+ Dầu và cặn dầu bị cuốn theo nước mưa và phát tán ra xung quanh tác động đến hệ sinh thái, gây ô nhiễm môi trường đất và nước.

+ Mặt phủ bị xói mòn, gây bồi lắng cống thoát nước trong khu vực.

+ Nồng độ chất hữu cơ trong nước cuốn trôi bề mặt là đáng kể, dễ gây tình trạng phú dưỡng và ô nhiễm hữu cơ trong các sông, hồ nơi dòng thải chảy vào.

Vào những khi trời mưa, nước mưa chảy tràn trên khu vực bãi sẽ cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực. Nồng độ ô nhiễm phụ thuộc vào thời gian giữa hai trận mưa liên tiếp và tập trung chủ yếu vào trận mưa đầu (gọi là nước mưa đợt đầu: tính từ khi bắt đầu hình thành dòng chảy bề mặt cho đến 15 hoặc 20 phút sau đó).

Đối tượng, phạm vi bị tác động của nước thải, nước mưa:

- Đối tượng chịu tác động: Môi trường đất, nước mặt, nước ngầm, công nhân làm việc tại nhà máy và khu vực lân cận.

- Phạm vi tác động: Trong khu vực bãi, hệ thống thu gom nước mưa, thải của khu vực.

b./ Đối với đơn vị thuê xưởng, văn phòng và các công trình phụ trợ:

Đơn vị thuê nhà xưởng, văn phòng sẽ có hồ sơ môi trường riêng và đánh giá cụ thể cho đơn vị mình.

3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải dự kiến phát sinh

a./ Đối với chủ cơ sở:

** Nguồn tác động do bụi khí thải:*

- Khí thải từ hoạt động của phương tiện giao thông
- Khí thải từ hoạt động sản xuất của cơ sở
- Khí thải, mùi hôi từ khu tập kết chất thải, nhà vệ sinh

** Dự báo thành phần, tải lượng, nồng độ, quy mô tác động:*

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông:

Hoạt động của các phương tiện giao thông phát sinh bụi và khí thải bao gồm: CO, SO₂, NO_x, VOC_s,... ảnh hưởng đến môi trường không khí, sức khỏe công nhân, khu vực nhà xưởng và dọc đường vận chuyển.

+ Xe của công nhân viên:

Khi đi hoạt động ổn định, số lượng công nhân viên làm việc ra vào cơ sở khoảng 15 người. Mỗi ngày sẽ có khoảng 3 lượt xe ô tô và 12 lượt xe máy (quy chung các phương tiện đi lại của công nhân viên bằng xe máy) tập trung đi lại

vào đầu, cuối ca. Báo cáo sẽ thực hiện đánh giá tại thời điểm lớn nhất là với tối đa 3 lượt xe ô tô và 12 lượt xe máy.

+ Xe chung chuyển hàng hóa của các đơn vị thứ cấp:

Dự kiến xe chở nguyên liệu, sản phẩm, chất thải của các đơn vị thứ cấp quy chung về xe tải từ 3,5 - 16 tấn số lượng tối đa khoảng 10 lượt xe/ ngày ra vào nhà máy.

Tải lượng chất ô nhiễm được tính toán trên cơ sở hệ số ô nhiễm do Cơ quan bảo vệ môi trường Mỹ (USEPA) và Tổ chức Y tế thế giới (WHO) thiết lập như sau:

Bảng 4. Hệ số ô nhiễm không khí trung bình đối với các loại xe

TT	Loại phương tiện	Hệ số ô nhiễm (kg/1000km)				
		Bụi	SO ₂	NO _x	CO	VOC
1	Mô tô, xe máy	-	0,6.S	0,08	22	15
2	Xe ô tô con	0,07	2,05.S	1,13	1,46	0,6
3	Xe tải từ 3,5 - 16 tấn	0,9	4,15.S	1,44	2,9	0,8

(Nguồn: WHO, Rapid Environmental Assessment, 1993)

Ghi chú: S - là hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO, S = 0,05%

- Tải lượng ô nhiễm:

Tải lượng ô nhiễm không khí của các phương tiện giao thông ra vào nhà máy được tính theo công thức sau:

$$\text{Tải lượng ô nhiễm} = \text{Hệ số phát thải} \times \text{Quãng đường/lượt} \times \text{số lượt xe/h}$$

Kết quả dự báo tải lượng các chất ô nhiễm không khí từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong giai đoạn vận hành được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 5. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động phương tiện giao thông ra vào

Loại xe	Số lượt xe/h	Tải lượng (kg/1000km.h)				
		Bụi	SO ₂	NO _x	CO	VOC _s
Xe máy	12	-	0,36	0,96	264	180
Xe ô tô	3	0,21	0,3075	3,39	4,38	1,8
Xe tải	1,25	1,125	0,2594	1,8	3,625	1
Tổng lượng phát thải (kg/1.000km.h)		1,335	0,9269	6,15	272,005	182,8

Mức độ ô nhiễm giao thông phụ thuộc vào chất lượng đường xá, mật độ xe, lưu lượng dòng xe, chất lượng kỹ thuật xe và lượng nhiên liệu tiêu thụ.

+ Phạm vi tác động: Nguồn phát sinh các chất ô nhiễm từ quá trình vận chuyển là nguồn động nên phạm vi phân bố rộng rãi xung quanh nhà máy.

+ Thời gian tác động: Kéo dài trong suốt thời gian hoạt động của cơ sở, tác động không thường xuyên.

Do nguồn phát sinh từ các phương tiện giao thông là nguồn động nên sẽ khó tránh khỏi việc tác động đến môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Chủ cơ sở cam kết sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các giải pháp kỹ thuật cũng như quy định về tốc độ khi vận chuyển.

Khả năng giảm thiểu: Tác động này có thể giảm thiểu bằng biện pháp che chắn, bịt kín thùng xe trong quá trình vận chuyển, tuy nhiên không triệt để.

- Bụi, khí thải trong quá trình sản xuất

+ Bụi, khí thải từ quá trình sơn

Công ty lựa chọn sử dụng sơn lót, sơn xăng, sơn đánh bóng để sơn hoàn thiện sản phẩm tùy vào mục đích sử dụng đơn hàng. Các loại sơn này sử dụng chất đóng rắn, không dùng dung môi pha loãng vì thế mà hàm lượng đóng rắn là 100%, không chứa chất bay hơi, do đó, trong quá trình sơn không phát sinh mùi. Kỹ thuật sơn lót có những ưu điểm vượt trội so với kỹ thuật sơn dung môi truyền thống do sự khác biệt về vật liệu và các thiết bị sử dụng. Hiện nay, nhiều tổ chức bảo vệ môi trường đã xem đây là công nghệ sơn giảm thiểu sự phát thải của hơi dung môi ra ngoài môi trường, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng và cải thiện chất lượng màng sơn khô của sản phẩm. Vì vậy, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn sơn tại xưởng sơn của cơ sở là không nhiều. Để xử lý triệt để, cơ sở sử dụng buồng phun sơn màng nước để xử lý phần sơn thừa.

+*Bụi, khí thải từ quá trình cắt, khoan*

Bụi phát sinh tập trung tại vị trí lưỡi cưa, cắt... và tồn tại dưới nhiều kích cỡ, tỷ trọng khác nhau: hoạt động gia công thô phát sinh bụi có kích thước lớn, nặng; gia công tinh (chà nhám, đánh bóng...) phát sinh bụi nhỏ, nhẹ, tồn tại lơ lửng. Cơ sở xử dụng bể đập bụi để xử lý bụi từ công đoạn này.

- *Tác động do mùi hôi từ khu lưu trữ chất thải sinh hoạt, nhà vệ sinh*

Các loại chất thải sinh hoạt nếu tồn trữ lâu sẽ phát sinh các chất khí gây mùi khó chịu từ việc lên men phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ. Thành phần các khí chủ yếu sinh ra từ quá trình phân hủy chất hữu cơ bao gồm NH₃, CH₄, H₂S, CO₂, Mercaptane, ... gây mùi hôi và ô nhiễm môi trường. Trong đó, H₂S và Mercaptane là các chất gây mùi hôi chính. Trong điều kiện thời tiết nóng ẩm, nếu chất thải rắn được lưu giữ trong thời gian dài sẽ tạo điều kiện cho ruồi nhặng phát triển làm tăng nguy cơ lây lan bệnh truyền nhiễm. Bên cạnh đó, rác thải sinh hoạt có đặc trưng là độ ẩm cao, khi rác phân hủy sẽ làm phát sinh nước rỉ rác, gây mùi hôi và ô nhiễm nghiêm trọng đến môi trường xung quanh.

Nếu chất thải được thu gom thường xuyên, không có tồn dư và công trình xử lý nước thải hoạt động tốt thì tác động về mùi phát sinh từ khu lưu trữ, xử lý chất thải là không đáng kể.

Các tác động của bụi, mùi và khí thải được tổng hợp và thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 6. Đánh giá các tác động của bụi và khí thải

STT	Thông số ô nhiễm	Tác hại
1	Bụi	<ul style="list-style-type: none">- Gây tác động đến hệ hô hấp, gây bệnh bụi phổi làm tổn thương niêm mạc phổi dẫn đến xơ hóa, ung thư phổi.- Gây tổn thương da, giác mạc, gây bệnh ở đường tiêu hóa.- Gây mất cảm quan, khó chịu.- Bụi chứa hàm lượng kim loại nặng có thể dẫn đến ung thư và các tác động nguy hại khác.
2	SO ₂	<ul style="list-style-type: none">- Khi ở hàm lượng thấp, khí SO₂ làm sưng niêm mạc.- Ở hàm lượng cao sẽ ảnh hưởng đến hệ hô hấp, hoà tan và làm loét màng giác mạc mắt, niêm mạc mũi, miệng, họng, gây tổn thương phổi, màng phổi- Phân tán vào máu làm giảm dự trữ kiềm trong máu, đào thải NH₃ ra nước tiểu và kiềm ra nước bọt- Gây rối loạn chuyển hóa protein, gây thiếu vitamin B và C SO ₂ kết hợp với bụi tạo thành các hạt axit lơ lửng, với kích

STT	Thông số ô nhiễm	Tác hại
		thước từ 2-3µm sẽ đi vào phế nang phổi, gây hại cho tổ chức tế bào - SO ₂ gây mưa axit ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái, các công trình xây dựng, làm tăng cường quá trình ăn mòn kim loại, phá hủy vật liệu bê tông.
3	CO	- CO tác dụng với hồng cầu trong máu, tạo thành hợp chất bền vững làm giảm hồng cầu, qua đó giảm khả năng hấp thụ oxy của hồng cầu để nuôi dưỡng cơ thể. - Ngộ độc CO ở mức độ nhẹ (nồng độ CO trong không khí < 1 %) để lại di chứng hay quên, thiếu máu. - Ngộ độc nặng gây ngất, lên cơn giật, liệt tay chân và có thể dẫn đến tử vong khi nồng độ CO vượt quá 2%.
4	NO _x	- NO tác dụng với hồng cầu trong cơ thể làm giảm khả năng vận chuyển oxy, gây thiếu máu. - NO ₂ có thể tạo thành axit khi tiếp xúc với niêm mạc qua đường hô hấp, hoặc hòa tan trong nước bọt rồi đi vào máu, gây nguy hiểm cho tim, phổi và gan ở nồng độ 15-50 ppm. Ngoài ra, NO _x nói chung còn có thể làm phai màu thuốc nhuộm vải, hư vải bông, ăn mòn kim loại.

3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt dự kiến phát sinh của cơ sở:

Chủ cơ sở sử dụng khoảng 15 lao động. Căn cứ vào tình hình thực tế thì lượng chất thải phát sinh từ thức ăn thừa trung bình khoảng 100g/suất ăn; chất thải sinh hoạt khác phát sinh trung bình khoảng 0,3 kg/người/ngày. Như vậy, chất thải sinh hoạt sinh hoạt phát sinh gồm:

+ Thức ăn thừa phát sinh khoảng:

$$100\text{g/suất ăn} \times 15 \text{ người} = 1,5 \text{ kg/ngày}$$

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác phát sinh khoảng:

$$0,3 \text{ kg/người/ngày} \times 15 \text{ người} = 4,5 \text{ kg/ngày}$$

+ Đối với bùn từ bể tự hoại:

Bùn bể tự hoại là phân bùn tạo ra từ các bể tự hoại (cặn lắng, váng nổi hoặc dạng lỏng). Quá trình hình thành phân bùn được diễn ra chủ yếu trong các bể tự hoại. Bể tự hoại tiếp nhận các sản phẩm bài tiết của người từ các công trình vệ sinh, xử lý phân chất lỏng bằng cách lắng chất rắn. Phần chất rắn trong bùn cặn là 660g/kg, tỷ trọng điển hình của cặn lắng đáy dạng bùn là 1,4 - 1,5 tấn/m³

(gần giống cặn lắng nước thải) và hàm lượng nước (độ ẩm) là 50%.

Khác với nước thải, tính chất của phân bùn tùy thuộc vào thời gian lưu trong bể tự hoại. Thời gian lưu trong bể càng lâu thì lượng chất hữu cơ càng giảm xuống.

Đây cũng được xem là chất thải không nguy hại, đơn vị sẽ thuê đơn vị chức năng đến hút bùn cặn và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3.4. Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường dự kiến phát sinh

Chất thải rắn sản xuất của cơ sở bao gồm: Túi nilon, bì catton, bavia khối lượng chất thải phát sinh như sau:

STT	Tên chất thải	Khối lượng(kg/tháng)
1	Mảnh vụn, đầu mẫu thừa	50
2	Vỏ bao bì các loại (không chứa CTNH)	20
3	Dây buộc, nilon bọc hàng...	5
4	Giẻ lau, găng tay không chứa thành phần nguy hại	10
	Tổng số lượng	85

Ngoài ra, việc nạo vét hệ thống thoát nước mưa, nước thải cũng phát sinh lượng đất bùn thải đáng kể.

+ Đối với việc nạo vét hệ thống thoát nước: Khối lượng cặn, rác từ rãnh thoát nước khoảng 5kg/lần (tần suất nạo vét 01 lần/06 tháng).

3.5. Loại và khối lượng chất thải nguy hại dự kiến phát sinh

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở chủ yếu do hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của chủ cơ sở.... nếu không được phân loại, thu gom, vận chuyển, lưu giữ hoặc xử lý một cách thích hợp theo đúng Quy chế quản lý chất thải nguy hại sẽ gây mất vệ sinh, mất mỹ quan, ảnh hưởng đến sức khỏe cho chính những người thu gom cũng như những cán bộ nhân viên làm việc tại cơ sở. Tóm lại, các loại chất thải nguy hại khi không được thu gom vương vãi ra môi trường sẽ làm ô nhiễm nguồn đất, nước, không khí khu vực làm ảnh hưởng đến sự phát triển của các sinh vật trong đất, nước, ...

- Thành phần: chất thải nguy hại phát sinh tại giai đoạn hoạt động phát sinh bao gồm giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang,phát sinh chủ yếu từ hoạt động lau chùi, bảo dưỡng máy móc thiết bị sản xuất và thay thế các thiết bị chiếu sáng.

- Khối lượng phát sinh như sau:

Bảng 7. Khối lượng phát sinh chất thải nguy hại

STT	Tên CTNH	Trạng thái	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	Rắn	12
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2,5
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	5
4	Bao bì thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	150
Tổng			169,5

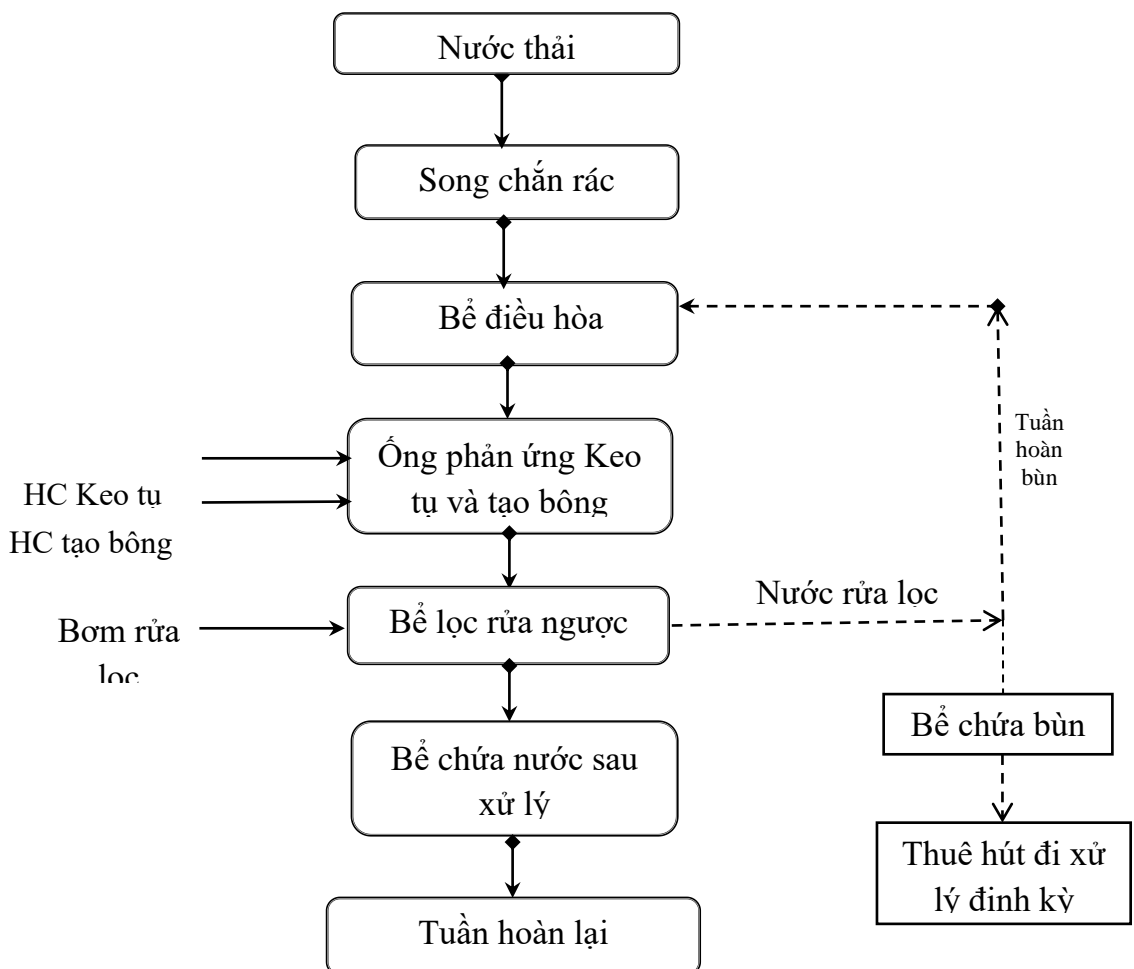
4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của cơ sở:

4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải

a./ Nước thải sản xuất

+ Nước thải xử lý bụi của công đoạn sơn và cắt, mài:

Cơ sở thiết kế hệ thống xử lý nước thải tách biệt. Sơ đồ công nghệ như sau:



Hình 3. Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý nước thải sản xuất của cơ sở

Thuyết minh công nghệ:

Thu gom và Tiền xử lý tại Song chắn rác: Nước thải sản xuất từ các khu vực phát sinh được dẫn theo hệ thống đường ống thu gom về hố thu. Tại đây, Song chắn rác đóng vai trò là công trình xử lý cơ học đầu tiên, giúp loại bỏ các tạp chất thô, rác có kích thước lớn. Việc này không chỉ giảm tải lượng ô nhiễm hữu cơ mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ các thiết bị cơ khí như máy bơm và hệ thống đường ống phía sau không bị tắc nghẽn hoặc hư hỏng.

Bể điều hòa: Nước thải sau khi qua song chắn rác chảy vào Bể điều hòa. Do đặc thù sản xuất thường thay đổi theo ca kíp, lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm của nước thải không ổn định. Bể điều hòa được trang bị hệ thống sục khí hoặc máy khuấy trộn để xáo trộn đều nước thải, tránh hiện tượng lắng cặn và phân hủy kỵ khí gây mùi hôi. Bước này đảm bảo cung cấp một dòng thải ổn định về cả lượng và chất cho các công đoạn hóa lý tiếp theo, giúp hệ thống vận hành trơn tru và tiết kiệm hóa chất.

Phản ứng Keo tụ tại Ống phản ứng: Nước thải từ bể điều hòa được bơm vào Ống phản ứng. Tại vị trí đầu vào, hóa chất keo tụ được châm vào với liều lượng xác định. Trong ống phản ứng, các phân tử hóa chất sẽ trung hòa điện tích bề mặt của các hạt keo lơ lửng trong nước (vốn mang điện tích âm và đẩy nhau). Quá trình này khiến các hạt cặn nhỏ li ti bắt đầu mất tính ổn định và liên kết lại với nhau thành các hạt nhân bông bùn nhỏ.

Quá trình Tạo bông hình thành kích thước cặn: Ngay sau giai đoạn keo tụ, hóa chất tạo bông được châm vào phần tiếp theo của ống phản ứng tạo kết dính các hạt nhân bông nhỏ lại với nhau tạo thành các bông bùn có kích thước và khối lượng lớn hơn. Việc sử dụng ống phản ứng giúp tối ưu hóa quá trình khuấy trộn và thời gian lưu, đảm bảo bông bùn hình thành chắc chắn trước khi đi vào giai đoạn tách lọc.

Bể lọc và Rửa ngược: Nước thải mang theo các bông bùn lớn đi vào Bể lọc. Tại đây, các lớp vật liệu lọc (như cát thạch anh, than hoạt tính hoặc hạt lọc chuyên dụng) sẽ giữ lại các bông cặn trên bề mặt hoặc trong các khe hở của vật liệu lọc, chỉ cho nước sạch đi qua. Sau một thời gian vận hành, khi lớp vật liệu bị lấp đầy bởi cặn bẩn, hệ thống Bơm rửa lọc sẽ hoạt động để đẩy nước ngược từ dưới lên, tách cặn bẩn ra khỏi vật liệu lọc. Nước rửa lọc này sẽ được tuần hoàn lại bể điều hòa để xử lý lại, đảm bảo không có nước thải chưa đạt chuẩn thoát ra ngoài.

Lưu trữ và Xả thải tại Bể chứa nước sau xử lý: Nước sau khi qua bể lọc đạt tiêu chuẩn môi trường quy định sẽ được dẫn về Bể chứa nước sau xử lý. Đây

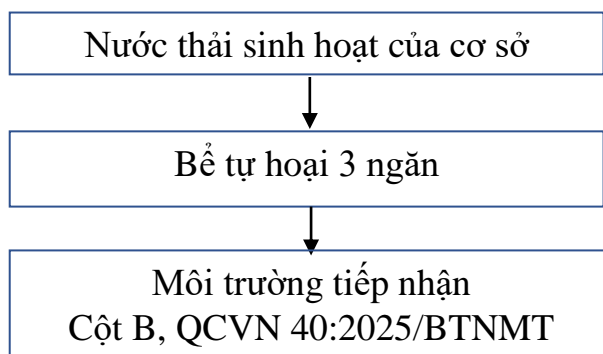
là nơi lưu trữ tạm thời nước sạch trước khi được tuần hoàn tái sử dụng cho các công đoạn đập bụi.

Quản lý và xử lý Bùn thải: Các bông bùn được tách ra từ quá trình lọc và rửa ngược sẽ được thu gom về Bể chứa bùn. Tại đây, bùn được nén lại để giảm thể tích nước. Một phần bùn có thể được tuần hoàn lại quy trình nếu công nghệ yêu cầu, nhưng phần lớn sẽ được lưu trữ và thuê đơn vị chức năng đến hút đi xử lý định kỳ. Việc quản lý bùn thải chặt chẽ giúp hoàn thiện chu trình xử lý, đảm bảo cơ sở không gây ô nhiễm thứ cấp ra môi trường đất và nước xung quanh.

b./ Nước thải sinh hoạt

Chủ cơ sở thiết kế hệ thống thoát nước thải sinh hoạt tách biệt với hệ thống thoát nước mưa.

Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý nước thải của cơ sở như sau:



Hình 3. Sơ đồ hệ thống thu gom, xử lý nước thải của cơ sở

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động rửa tay chân và vệ sinh của cán bộ công nhân viên chủ cơ sở, tại các khu vực phát sinh trong khuôn viên cơ sở được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn dung tích sau đó đưa vào hệ thống thoát nước thải chung của CCN Hoàng Mai.

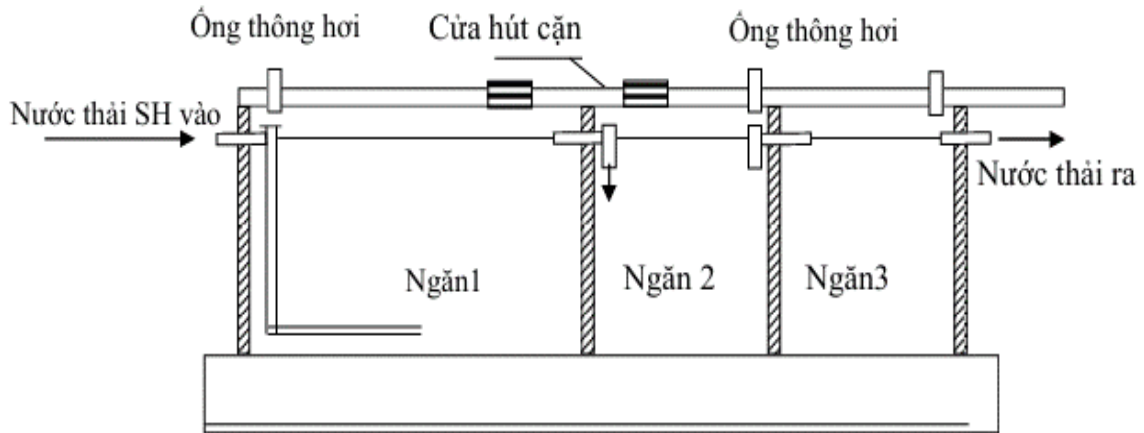
*** Thuyết minh công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 03 ngăn:**

Chất thải sau khi vệ sinh sẽ được dẫn theo đường ống của bồn cầu đi xuống ngăn thứ nhất (ngăn chứa và lên men). Các loại chất thải như Hydro cacbon, đạm, chất béo, chất xơ có trong phân, nước tiểu... sẽ được phân huỷ bởi các vi khuẩn kỵ khí cũng như các nấm men có trong bể phốt. Sau khi quá trình phân huỷ này diễn ra (sẽ là một khoảng thời gian khá lâu và liên tục) chất thải sẽ trở thành dạng bùn và lắng xuống đáy bể chứa, mùi hôi thối cũng được giảm bớt. Với những chất không tan như tóc, nhựa hoặc kim loại sẽ chuyển dần sang bề mặt lớp 2 và ra ngoài hoặc chuyển thành các chất khí như CH_4 , CO_2 , H_2S , NH_3 nếu gặp điều kiện thích hợp. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự chuyển hoá này là nhiệt

độ, lưu lượng dòng thải, thời gian lưu nước, tải trọng chất rắn, dinh dưỡng người sử dụng, cấu tạo bể cũng như các vi sinh vật có trong bể.

Các chất lơ lửng còn lại trong nước thải sau khi được phân huỷ ở bể chứa sẽ được đưa qua ngăn lắng và ngăn lọc để loại bỏ khỏi nước trước khi chảy ra bên ngoài.

Sau đi được xử lý trong bể tự hoại 03 ngăn nước thải được xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT, cột B sau đó thải ra ngoài môi trường.



Hình 4. Mô hình bể tự hoại 03 ngăn

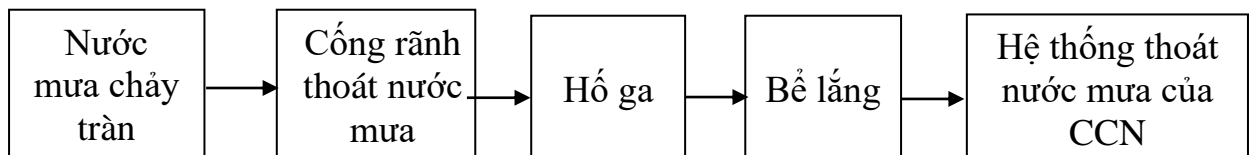
c./ Nước mưa chảy tràn

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của cơ sở được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Khu vực nhà máy có quy mô nhỏ, do vậy hệ thống thoát nước mưa sử dụng biện pháp để tự chảy ra rãnh thu chung của cơ sở và đổ vào hệ thống thoát nước của CCN.

+ Hướng thoát nước: Toàn bộ khu vực quy hoạch được thoát vào hệ thống chung của CCN.

Toàn bộ nước mưa được thu gom theo hệ thống công gom sau:



Hình 6. Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn giai đoạn hoạt động

Nước mưa từ trên mái nhà văn phòng, nhà xưởng, đường đi của cơ sở được thu gom bằng hệ thống ống thoát nước riêng được nối từ mái nhà văn

phòng, nhà xưởng xuống dưới đất. Sau đó, được đưa vào hệ thống rãnh thoát nước mưa của cơ sở.

Nước mưa chảy tràn của cơ sở được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước riêng. Hiện tại đã xây dựng hệ thống rãnh thoát nước dọc theo nhà văn phòng, nhà xưởng,... để thu gom nước mưa sau đó chảy về các hố ga sau đó chảy về bể lắng 3 ngăn trước khi chảy vào hệ thống của CCN.

Chủ cơ sở và các doanh nghiệp thứ cấp đã và sẽ thường xuyên kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước mưa, kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời. Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất thải lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

+ Tiến hành nạo vét bùn lắng tại các mương thoát nước lắng cặn, tần suất nạo vét 01 lần/06 tháng.

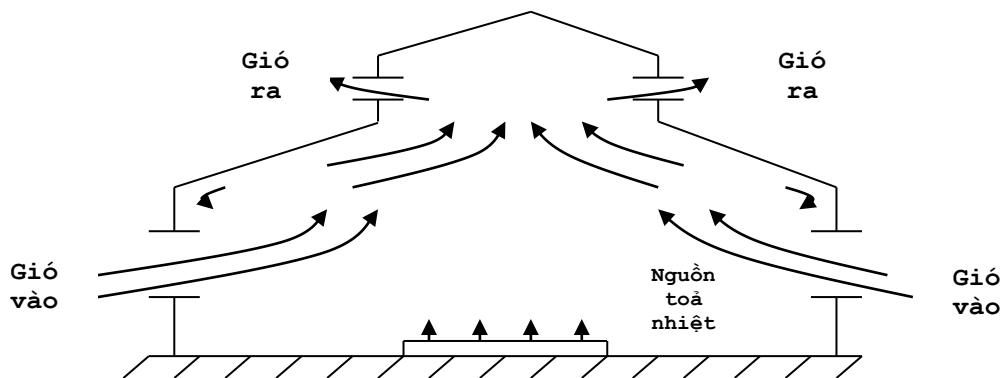
4.2. Phương án thu gom, quản lý và xử lý bụi, khí thải

* *Biện pháp chung*

- Chủ cơ sở bố trí, thiết kế khu vực sản xuất thoáng mát sạch sẽ, đảm bảo đủ các điều kiện cần thiết cho quy trình lao động của công nhân (ánh sáng, thông khí,...).

- Lắp đặt, sử dụng máy móc sản xuất hiện đại, sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường đảm bảo cho hoạt động bảo vệ môi trường.

- Áp dụng các biện pháp thông gió tự nhiên tại khu vực xưởng sản xuất:



Hình 7: Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên

Được thiết kế thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Các khu vực có nguồn nhiệt cao được tăng cường điều kiện thông thoáng nhằm giảm nhiệt môi trường

lao động. Sử dụng hệ thống làm mát không khí để cấp không khí mát vào khu vực có nhiệt độ cao. Trong xưởng sản xuất, không khí được trao đổi liên tục, thông thoáng nhờ hệ thống quạt thổi và thông gió tự nhiên qua hệ thống cửa mái.

- Để đảm bảo các chỉ tiêu vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm,...) môi trường làm việc của công nhân trong khu vực hàn, chủ cơ sở lắp đặt điều hòa để giảm thiểu ô nhiễm do nhiệt.

- Để hạn chế bụi từ các công đoạn sản xuất phát tán gây ô nhiễm môi trường làm việc trong khu vực sản xuất, Công ty thường xuyên vệ sinh khu vực nhà xưởng sạch sẽ hàng ngày.

- Ngoài ra, Chủ cơ sở còn lắp đặt máy điều hòa làm mát khu vực xưởng sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động như: kính, khẩu trang, găng tay cho công nhân để giảm thiểu những tác động xấu đến công nhân trực tiếp sản xuất.

**** Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở:***

Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải do các phương tiện giao thông như sau:

- Phương tiện vận chuyển đảm bảo tiêu chuẩn lưu hành về chất lượng khí thải, không sử dụng xe quá cũ để vận chuyển, giảm phát thải bụi và các khí độc hại.

- Có chế độ điều tiết xe vận tải chở nguyên liệu, sản phẩm đi tiêu thụ hợp lý để tránh hiện tượng tắc nghẽn giao thông tại tuyến đường ra vào cơ sở.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Không cho xe nổ máy khi chờ giao, nhận hàng.

- Xe chở đúng trọng tải quy định, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về lưu thông.

- Trang bị khẩu trang, găng tay, kính mắt,... cho những người làm việc tại các khu vực có khả năng phát sinh ô nhiễm không khí.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì phương tiện vận chuyển đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Quét dọn vệ sinh sân, đường nội bộ, tiến hành phun tưới nước dập bụi trong tuyến đường giao thông nội bộ 1-2 lần/ngày và tăng tần suất tưới 2-3 lần/ngày vào những ngày hanh khô nắng nóng để giảm thiểu sự phát tán bụi cũng như giảm nhiệt cho khu vực.

*** Bụi và khí thải từ khu nhà xưởng:**

- Chủ cơ sở xây dựng nhà xưởng thoáng mát sạch sẽ, đảm bảo đủ điều kiện cần thiết cho quy trình lao động của công nhân (ánh sáng, thông khí,...); Áp dụng các biện pháp thông gió tự nhiên tại các nhà xưởng sản xuất.

- Bụi, cặn sơn dư thừa từ quá trình sơn và cắt, mài sản phẩm được thu gom và xử lý qua thiết bị dập bụi bằng nước. Ngoài ra cơ sở cũng sử dụng máy móc hiện đại và thân thiện với môi trường để hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường lao động của công, nhân viên.

- Nhiệt từ phòng sấy: Công đoạn sấy sử dụng gió nóng tuần hoàn trong buồng kín, tác động nhiệt ra môi trường bên ngoài được xem xét là không đáng kể.

- Ngoài ra, để hạn chế tối thiểu tác động từ bụi, khí thải do công nhân viên trực tiếp thao tác, công ty sẽ trang bị bảo hộ lao động như kính mắt, khẩu trang, găng tay,... Chủ cơ sở còn lắp đặt hệ thống điều hòa tại các vị trí thích hợp trong nhà xưởng.

*** Biện pháp giảm thiểu khí thải, mùi hôi từ khu tập kết chất thải, nhà vệ sinh:**

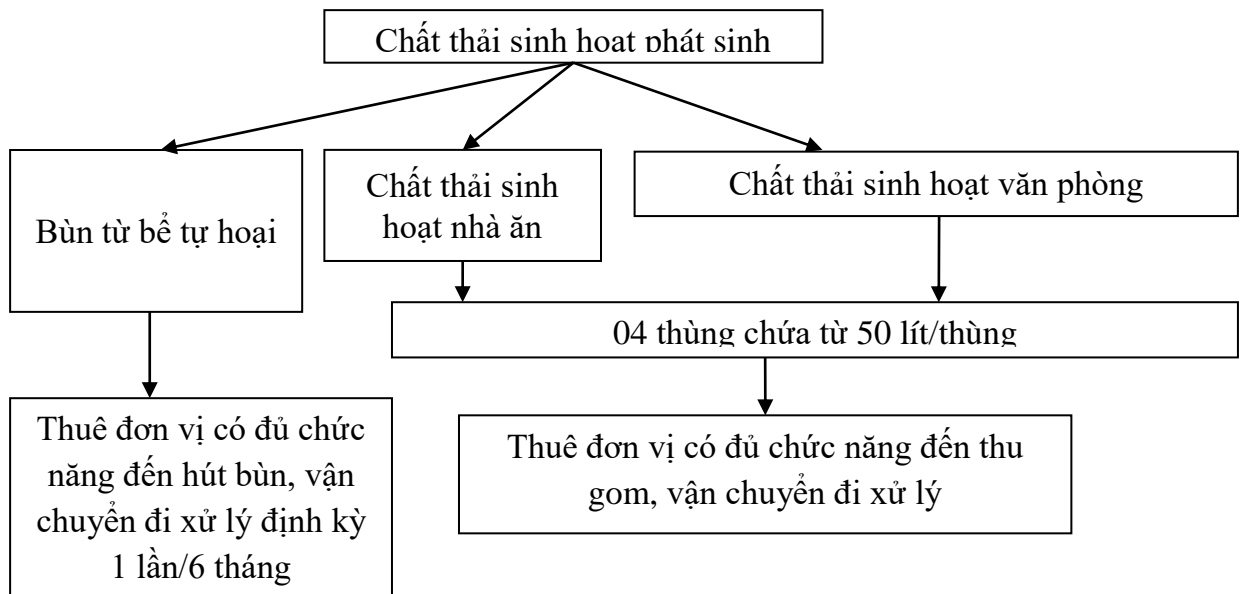
- Khu tập kết chất thải tách biệt với khu tập kết hàng, văn phòng. Các kho chứa chất thải có tường bao, mái che và cửa đóng kín. Chất thải sinh hoạt phát sinh được công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyên, xử lý hàng ngày.

- Nhà vệ sinh của cơ sở thường xuyên được dọn rửa và khử mùi để hạn chế tối đa mùi hôi và không ảnh hưởng tới môi trường không khí. Trong quá trình hoạt động chủ cơ sở sẽ chú trọng đến nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên nhằm giữ gìn vệ sinh chung.

- Đối với mùi phát sinh từ hệ thống thu gom, thoát nước thải: Định kỳ bổ sung Clorine cho bể tự hoại và định kỳ kiểm tra tình trạng thu gom, thoát nước

thải của hệ thống cống thoát nước, nạo vét, sửa chữa khi cần để đảm bảo nước thải không tồn đọng trong khu vực nhà máy gây mùi hôi khó chịu.

4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt



Hình 8. Lưu trình quản lý chất thải sinh hoạt

Chất thải sinh hoạt tập kết tại khu vực bên ngoài nhà xưởng, được lưu chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy kín, thu gom và xử lý định kỳ 1 lần/ngày và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý.

4.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải công nghiệp

Các chất thải này được thu gom, tập trung tại khu tập kết CTR của cơ sở.

- Vỏ bao bì, bìa carton phát sinh được công nhân thu gom và buộc thành từng xếp thành đống cao 2m;

- Dây buộc thải, bao nylon sẽ được thu gom về kho chứa chất thải của nhà máy có diện tích khoảng 25 m² được bố trí ngoài khu vực nhà xưởng.

Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải đi xử lý theo quy định.

4.5. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh thực tế tại nhà xưởng bao gồm giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang, dầu thải..... được thu gom, phân loại, lưu chứa trong kho chứa CTNH của cơ sở.

- Chủ cơ sở trang bị khoảng 2 - 3 thùng, chứa CTNH, tất cả các thùng được

đặt trong kho chứa CTNH. Các loại chất thải được chứa trong thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn chất thải, kho chứa có biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Xây dựng kho chứa CTNH với diện tích khoảng 25 m², kho chứa CTNH được xây dựng bên ngoài nhà xưởng.

- Ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với công ty có năng lực để thu gom, vận chuyển và xử lý theo định kỳ.

4.6. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung: chủ yếu từ hoạt động các phương tiện ra vào và máy móc, thiết bị tại nhà máy.

Để hạn chế tối đa tiếng ồn, độ rung phát ra từ khu vực sản xuất có thể áp dụng một số biện pháp như sau:

- Trang bị các loại thiết bị mới, tốt, hiện đại, tránh gây ồn
- Thường xuyên kiểm tra để máy móc, cần cầu được vận hành, bôi trơn, bảo dưỡng đúng chế độ.
- Các ống giảm thanh lắp đặt cho các động cơ.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Công ty TNHH Một thành viên Apodio cam kết:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các Điều khoản quy định trong Luật Bảo vệ Môi trường.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở được xử lý thông qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi chảy ra điểm đầu nối với CCN Hoàng Mai.

- Đối với tiếng ồn và độ rung: Trong quá trình sản xuất, chủ cơ sở cam kết sẽ áp dụng các biện pháp đảm bảo môi trường làm việc cho cán bộ công nhân viên đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về tiếng ồn và độ rung. Cụ thể: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Đối với các loại chất thải: Thu gom, lưu giữ theo đúng quy định. Đồng thời ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để vận chuyển đến nơi xử lý đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường.

- Cam kết đền bù và dừng hoạt động sản xuất khi xảy ra sự cố về môi trường: Cháy nổ, chập cháy điện,... gây ô nhiễm môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố về môi trường.

- Chấp hành sự kiểm tra giám sát môi trường của các cơ quan liên quan trong quá trình hoạt động của cơ sở.

- Cam kết thực hiện báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo đúng quy định.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị UBND phường Nénh tiếp nhận đăng ký môi trường của cơ sở “Sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ”./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiên Phong

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0100968940

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 05 năm 1999

Đăng ký thay đổi lần thứ: 16, ngày 29 tháng 06 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT-XUẤT KHẨU HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI BẮC NINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BACNINH MANUFACTURE AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BMT CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Nhà số 5, ngách 43/98 đường Cổ Nhuế, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.35117663

Fax: 04.35117662

Email: bmtc@hn.vnn.vn

Website:

3. Vốn điều lệ

18.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TIÊN PHONG	Việt Nam	Số nhà 8, ngách 43/98 đường Cổ Nhuế, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	16.263.300.000	90,352	012008451	

2	PHẠM THỊ KIM NGA	Việt Nam	425, Âu Cơ, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.563.100.000	8,684	011667585
3	NGUYỄN TIÊN HUY	Việt Nam	Số 425, Âu Cơ, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	173.600.000	0,964	024075000123

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN TIÊN PHONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/04/1961

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 012008451

Ngày cấp: 01/10/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 6, ngách 43/98 đường Cổ Nhuế, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 8, ngách 43/98 đường Cổ Nhuế, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TRƯỜNG PHÒNG



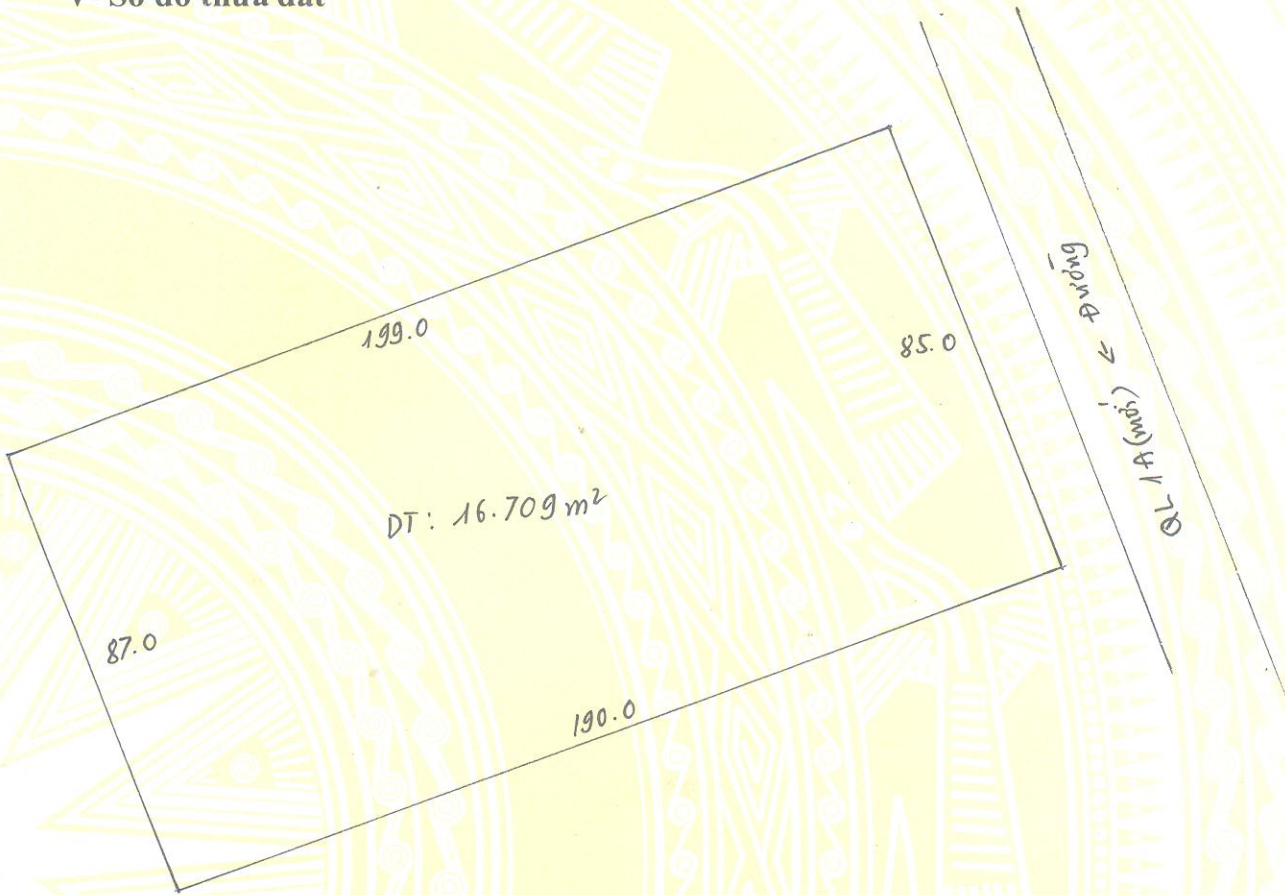
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Thanh Huyền



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AB 294974

V- Sơ đồ thửa đất



Tỷ lệ:

Ngày 09 tháng 12 năm 2003

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



KT CHỦ TỊCH UBND TỈNH BẮC GIANG
PHÓ CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐĂNG KHOA

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00513 - QĐ(T)

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.

3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy;

- Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Xét công văn số 16/CV ngày 18/10/2019 của Công ty TNHH sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh về việc đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy công trình Xưởng sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ;

Người đại diện là ông: Nguyễn Tiên Phong; Chức danh: Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CHỨNG NHẬN:

CÔNG TRÌNH: XƯỞNG SẢN XUẤT HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Địa điểm: Cụm công nghiệp Hoàng Mai, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh.

Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH thiết bị PCCC&CNCH miền Bắc.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Quy hoạch tổng mặt bằng;
- Hệ thống đường và lối thoát nạn ra khỏi công trình;
- Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chữa cháy: Hệ thống chữa cháy vách tường và ngoài nhà; Hệ thống chữa cháy tự động bằng đầu phun Sprinkler; Bình chữa cháy xách tay;
- Hệ thống chống sét.

Theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo

1. Thi công, xây dựng công trình theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt.

2. Công trình phải được nghiệm thu về PCCC trước khi đưa vào sử dụng. *TM*

Bắc Giang, ngày 26 tháng 11 năm 2019

KT. TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

- Công ty TNHH sản xuất, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh (đề t/h);
- Lưu TM, CTPC.



**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CS-PCCC VÀ CNCH
THƯƠNG TÁ NGUYỄN VĂN VIỆN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---***---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số 30.10.B./HĐKT/10/2020

Về việc: Đầu nối ,xử lý nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thuộc
Cụm Công nghiệp Hoàng Mai

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015.
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/04/2015 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải
- Căn cứ thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Căn cứ Thông tư 13/2018/TTBXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ xây dựng về hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;
- Căn cứ vào nhu cầu, nhiệm vụ năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày ..30.. tháng ..10.. năm 2020 Chúng tôi gồm :

Bên A : CÔNG TY NAM Á (TNHH) – CHI NHÁNH BẮC GIANG

Đại diện (Ông): **Tổng Văn Hiến** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: *Thôn Hoàng Mai 3, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang*

Số tài khoản: 0351000859040 Tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bắc Ninh

Mã số thuế : 2300233425-001

Điện thoại: 091.204.0052

Fax:

**Bên B: CÔNG TY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT- XUẤT KHẨU HÀNG THỦ
CÔNG MỸ NGHỆ & THƯƠNG MẠI BẮC NINH.**

Đại diện (Ông): **Nguyễn Tiên Phong** Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0100968940

Địa chỉ: Cụm CN Hoàng Mai, Thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại / Fax: 097993558

Sau khi hai bên bàn bạc và đi đến thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

Điều 1: Giải thích từ ngữ:

- Thông báo được các bên liên lạc với nhau qua tin nhắn và zalo.



- Số ngày được hiểu là số ngày làm việc theo quy định của nhà nước.

Điều 2: Nội dung của hợp đồng

- Bên A đồng ý tiếp nhận và xử lý nước thải sinh hoạt (Không bao gồm nước thải sản xuất) đầu ra từ dự án của Bên B tại Cụm công nghiệp Hoàng Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Bên B đồng ý thuê Bên A thực hiện xử lý nước thải của Bên B theo Quyết định được phê duyệt đánh giá tác động môi trường do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Tiêu chuẩn áp dụng là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT hoặc các tiêu chuẩn hiện hành thay thế tương đương sau này.

- Bên B thuê Bên A xử lý nước thải, Bên A tiếp nhận nước thải của Bên B theo giá trị B cột C bảng tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT. Bên A sau khi xử lý nước thải đạt đến giá trị A cột C bảng tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT thì xả ra ngoài môi trường.

Điều 3: Chất lượng nước thải và điểm đầu nối

- Đầu nối: Bên B dẫn nước thải sinh hoạt tại công ty tới điểm đầu nối được hai bên thống nhất (có sơ đồ kèm theo) hợp đồng này.

- Chất lượng của bên B: Nước thải sinh hoạt của bên B, thuê bên A xử lý phải đạt theo tiêu chuẩn cột B (theo tiêu chuẩn tại QCVN 40:2011/ BTNMT) mới được xả nước thải ra hệ thống đường ống nước thải tập trung của CCN Hoàng Mai

+ Bên A sẽ chủ động phối hợp với bên B để kiểm soát chất lượng nước bất kỳ khi nào.

+ Chất lượng nước thải phải đảm bảo theo các quy chuẩn nước xả thải theo quy định của Nhà nước

- Hai bên cùng nhau làm các phần công việc của mỗi bên chịu trách nhiệm để đến ngày 01/10/2020 bên B dẫn nước tới điểm đầu và bên A tiếp nhận nguồn nước thải sinh hoạt.

Điều 4: Cách tính khối lượng xử lý nước thải

- Bên A lắp đồng hồ và đầu nối đầu vào nước thải của bên B để dẫn nước tới trạm xử lý nước thải của CCN Hoàng Mai. Khối lượng nước thải bên B phải trả bên A được thể hiện trên đồng hồ đo đếm, đơn vị tính là m³ (mét khối)

- Hai bên chốt khối lượng nước thải và chất lượng nước:

+ Chốt khối lượng vào ngày 30 hàng tháng. Nếu ngày đó là ngày lễ hoặc chủ nhật sẽ được hai bên chốt vào ngày tiếp theo đầu tiên.

+ Bên A chủ động kiểm tra chất lượng nước bất kỳ khi nào, và chỉ báo trước cho bên B trong vòng 2 giờ để cùng có mặt, phương tiện bên A báo cho bên B thông qua Zalo hoặc tin nhắn. Nếu trong trường hợp bên B không có mặt đúng giờ trên thì mẫu nước đó vẫn được bên A mang đi xét nghiệm ở trung tâm xét nghiệm độc lập. Kết quả xét nghiệm đó làm căn cứ tính giá tiền nước thải.

Điều 5: Đơn Giá và Thanh Toán

- Đơn giá xử lý nước thải sinh hoạt tạm tính từ cột B lên cột A là : **12.000 đồng/ 1m³**



(Mười hai nghìn đồng một mét khối, đơn giá đã bao gồm 10% thuế VAT và các loại phí môi trường theo quy định của pháp luật). Nếu chất lượng nước của bên B không đạt tiêu chuẩn cột B sẽ được tính đơn giá như sau:

Chi phí xử lý nước thải = Khối lượng x Đơn giá xử lý x Hệ số K
(chưa bao gồm VAT) nước thải

Hệ số K là hệ số điều chỉnh phụ thuộc hàm lượng chất gây ô nhiễm, được xác định theo hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải và dựa trên chỉ tiêu COD (mg/l) trung bình trong nước thải đo tại nguồn thải ra hệ thống thoát nước của từng hộ thoát nước. Hàm lượng COD được xác định căn cứ theo kết quả phân tích của phòng thí nghiệm hợp chuẩn. Hệ số K được xác định như sau:

STT	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K
1	151 – 200	1,5
2	201 – 300	2
3	301 - 400	2,5
4	401 – 600	3,5
5	> 600	4,5

Trường hợp bên B xả thải với giá trị COD > 600 mg/l, bên A sẽ ngừng tiếp nhận xử lý nước thải cho bên B, đồng thời bên B phải thanh toán chi phí dịch vụ xử lý nước thải cho bên A theo mức độ ô nhiễm của tháng đó và khắc phục toàn bộ hậu quả gây ra (nếu có)

- Thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A trong vòng 5 ngày kể từ khi bên A gửi đề nghị thanh toán cho bên B và hóa đơn giá trị gia tăng.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

Bên A có các quyền sau đây:

- Có quyền dừng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt, nếu bên B vi phạm tới việc cung cấp nước thải sinh hoạt có lẫn nước thải sản xuất.
- Yêu cầu bên B phải đảm bảo nguồn nước chuyển sang bên A đi xử lý phải đảm bảo theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.
- Thu tiền xử lý và các loại phí khác theo quy định của nhà nước.

Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Chịu trách nhiệm về chất lượng xử lý nước thải khi thải ra môi trường.
- Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về, các quy định về quản lý môi trường trong CCN Hoàng Mai.
- Cung cấp thông tin vị trí đầu nối cho bên B.
- Lắp đồng hồ đo đếm khối lượng nước thải sinh hoạt tại điểm xả thải vào bên A.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

Bên B có các quyền sau đây:

- Được cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu Bên A kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra;

Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Dẫn nước thải trong nội bộ công ty bên B và xả nước thải sinh hoạt vào hệ thống thoát nước thải đúng quy định như hai bên đã thống nhất.

25-0
G T
M
H N
G I A
T B

- Thông báo kịp thời cho Bên A khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước thải của bên A.
- Kiểm soát các phân xưởng sản xuất trong phạm vi nội bộ của bên B, không để nước thải chưa được xử lý thải ra môi trường. Nếu để xảy ra sự việc trên bên B phải hoàn toàn chịu bồi thường do gây tổn thất cho bên A và trước các quy định của pháp luật.
- Đấu nối hệ thống nước thải của bên B vào hệ thống nước thải của bên A đúng như thoả thuận của hợp đồng này. Ngoài các điểm trên bên B phải chịu trách nhiệm.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Các bên chấm dứt hợp đồng không phải bồi thường trong các trường hợp sau:

- Hợp đồng được hết hạn.
- Thiên tai, chiến tranh và các thiên tai khác do nhà nước cấm hoạt động.
- Khi bên B vi phạm về chất lượng nước thải sinh hoạt. Khi đó bên A chấm dứt hợp đồng dựa trên kết quả kiểm tra nước vượt quá năng lực xử lý của bên A.

Khi Bên A và bên B muốn chấm dứt hợp đồng vì một lý do bất kỳ thì phải thông báo cho bên kia trước 30 ngày làm việc. Hai bên chỉ được chấm dứt hợp đồng khi có bản thanh lý hợp đồng được giải quyết.

Điều 8. Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những điều khoản đã ghi trong hợp đồng.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hai bên chủ động thông báo cho nhau và cùng bàn bạc đi đến thống nhất. Trường hợp không giải quyết được hai bên sẽ phải nhờ đến toà án có thẩm quyền giải quyết.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 31/12/2021, được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
Tống Văn Hiến

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Phong

Y
Á
H
Á
NG
Á
C
G
I

**PHỤ LỤC TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI TRƯỚC KHI ĐÁU
NÓI VỚI HỆ THỐNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI CỦA CỤM CÔNG
NGHIỆP HOÀNG MAI**

(Căn cứ Thông tư 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và
Môi trường Quy định quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường; QCVN 40:
2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp)

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
1	Nhiệt độ	oC	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoán g	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4	6
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500	1000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1



29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015.

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, sửa đổi từ ngày 01/01/2006.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BXD ngày 03/04/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Căn cứ thông tư số 15/2015/TT-BTC ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường các lĩnh vực: Du lịch, nông nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp.

Căn cứ Thông tư 14/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 04 năm 2015 của Bộ xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Căn cứ vào nhu cầu, nhiệm vụ năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 10 năm 2020. Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY NAM Á (TNHH) - CHI NHÁNH BẮC GIANG

Đại diện (Ông): Tống Văn Hiến Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai 3, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Số tài khoản: 0311000259040 - Tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bắc Ninh

Mã số thuế: 2300233423-001

Điện thoại: 091.204.0052

BÊN B: CÔNG TY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ & THƯƠNG MẠI BẮC NINH

Đại diện (Ông): Nguyễn Tiến Phong Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 0100965940

Địa chỉ: Cụm CN Hoàng Mai, Thị trấn Nهن, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại / Fax: 097993558

Sau khi hai bên bàn bạc và đi đến thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

Điều 1: Giải thích từ ngữ:

Thông báo được các bên liên lạc với nhau qua tin nhắn và zalo.

HỢP ĐỒNG
THU GOM VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 1304/2026/HĐCN

CĂN CỨ VÀO:

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường ban hành và có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên môi trường ban hành ngày 01/7/2016;
- Căn cứ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 618/2018/HĐHT ngày 15/11/2018 ký giữa Công ty cổ phần môi trường Đô thị và Công nghiệp 11 – Urenco11 và Công ty cổ phần môi trường công nghiệp T&T;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực tế của các bên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 4 năm 2026 chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-XUẤT KHẨU HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI BẮC NINH

Địa chỉ : Số nhà B12-08, Lotus3, Vinhomes, Gardenia, Đường Hàm Nghi, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số thuế : 0100968940

Đại diện : Ông: Nguyễn Tiên Phong Chức vụ: Giám đốc

(sau đây gọi là “Bên A”) và;

BÊN B:

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 – URENCO11

Địa chỉ : Thôn Đại Từ, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số thuế : 0900291087

Đại diện : Ông Trần Quốc Hường Chức vụ: Phó giám đốc

(Theo Giấy uỷ quyền số 52/GUQ-U11 ngày 31 tháng 12 năm 2024)

Tài khoản số : 4660228302, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Bắc Hưng Yên.

(sau đây gọi là “Bên B1”)

ly

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP T&T

Địa chỉ : Thôn Đại Từ, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số thuế : 0901029325

Đại diện : **Ông Lâm Hồng Điệp**

Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Tài khoản số : 1011235999, tại ngân hàng SHB chi nhánh Hưng Yên.

(sau đây gọi là "**Bên B2**")

XÉT RẰNG

Bên A là một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có nhu cầu được cung cấp các dịch vụ liên quan đến thu gom và xử lý chất thải; và

Bên B1 là một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực môi trường và có đủ năng lực, trình độ chuyên môn cung cấp các dịch vụ liên quan đến thu gom và xử lý chất thải; và

Bên B2 là một công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có nhiều kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực môi trường và có quan hệ sâu rộng với nhiều doanh nghiệp, đơn vị để có thể góp phần hỗ trợ bên A và bên B1 trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động thu gom và xử lý chất thải.

VẬY NAY, bên A và bên B thỏa thuận thống nhất ký kết hợp đồng với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý giao, bên B1 đồng ý nhận thực hiện việc thu gom và xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A. Bên B2 hỗ trợ về mặt thủ tục cho bên B1 trong việc bên B1 thực hiện thu gom chất thải của bên A về kho chứa của bên B1 để bên B1 xử lý. Danh mục chất thải phù hợp với Giấy phép môi trường của bên B1 và danh mục chất thải bên A đăng ký tại Giấy phép môi trường (nếu có).

Danh mục chất thải, số lượng, chủng loại, đơn giá Quy định tại Điều 3, mục 3.1

Trong trường hợp bên A phát sinh loại chất thải nào mới so với các chủng loại nêu trong Điều 3, mục 3.1 thì khi đó các bên sẽ thỏa thuận đơn giá thu gom và xử lý chất thải bằng các phụ lục hợp đồng để đảm bảo có lợi cho các bên khi tham gia hợp tác.

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO NHẬN, SỐ LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN NHÂN LỰC.

- 2.1. **Chủ nguồn thải:** CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-XUẤT KHẨU HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI BẮC NINH
- 2.2. **Địa điểm giao nhận chất thải:** Tại kho lưu giữ của bên A (*Cụm CN Hoàng Mai, phường Nénh, Tỉnh Bắc Ninh*)
- 2.3. **Địa điểm xử lý:** Tại Thôn Đại Từ, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- 2.4. **Thời gian giao nhận:** Bên A có trách nhiệm thông báo bằng, điện thoại, fax, email cho bên B về thời gian giao nhận chất thải trước ít nhất hai (02) ngày so với thời gian dự kiến.
- 2.5. **Phương tiện và nhân lực:** Bên B2 chịu trách nhiệm hỗ trợ về mặt thủ tục cho bên B1 trong việc bên B1 bố trí phương tiện, nhân lực thu gom chất thải về kho của bên B1 để bên B1 xử lý.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Đơn giá thu gom và xử lý chất thải:

- Mỗi lần bên A bàn giao chất thải cho bên B chi phí thu gom và xử lý chất thải được tính dưới bảng sau:

STT	Danh mục chất thải	Mã (CTNH)	Đơn Vị	Đơn giá (VNĐ)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	5.000
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	4.500
3	Ắc quy chì thải	19 06 01	Kg	5.000
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Kg	2.500
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	2.500
6	Giẻ lau, găng tay dính TPNH	18 02 01	Kg	5.000
7	Dầu, mỡ bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg	3.000
8	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg	5.000
9	Bùn thải có chứa các TPNH	05 07 05	Kg	2.500
10	Bùn bề tự hoại		Kg	1.900
11	Rác thải công nghiệp thông thường		Kg	2.800
12	Chi phí thu gom		Lần	2.500.000

Ghi chú : Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT

3.2. Phương thức nghiệm thu và thanh toán

- 3.2.1. Các bên sẽ lập chứng từ giao nhận chất thải mỗi khi phát sinh và tổng hợp khối lượng chất thải giao nhận để làm cơ sở cho việc thanh toán.
- 3.2.2. Các bên thống nhất nghiệm thu khối lượng và thanh quyết toán theo từng đợt phát sinh và chuyển giao chất thải
- 3.2.3. Thời hạn thanh toán chi phí xử lý chất thải: Bên A thanh toán bằng chuyên khoản cho bên B1 theo thông tin tài khoản của bên B1 tại hợp đồng này trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B1
- 3.2.4. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1. Trách nhiệm của bên A

- 4.1.1. Bên A có trách nhiệm phân định, phân loại chất thải tại nguồn và lưu chứa theo đúng quy định về quản lý chất thải.
- 4.1.2. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước những chất thải không giao cho bên B1 thu gom, vận chuyển và xử lý.
- 4.1.3. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của bên B1 vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp rác thải lên phương tiện vận chuyển phù hợp. Hỗ trợ xe nâng hàng giúp bên B1 bốc chất thải lên xe (nếu là hàng nặng).

- 4.1.4. Lập phiếu xuất hàng cho mỗi lần giao nhận chất thải và làm các thủ tục cần thiết để phương tiện của bên B1 mang chất thải ra khỏi cổng nhà máy của bên A.
- 4.1.5. Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B1 thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện và triển khai công việc để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.
- 4.1.6. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B1 toàn bộ tiền thu gom và xử lý chất thải mà bên B1 đã thực hiện cho bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- 4.1.7. Tạo điều kiện cho bên B1 áp dụng phương pháp mới cho việc tái sử dụng chất thải công nghiệp trong điều kiện có thể.
- 4.1.8. Chịu trách nhiệm lập chứng từ chất thải nguy hại và bàn giao cho bên B1 theo đúng qui định.
- 4.1.9. Cung cấp cho bên B1 01 bản photocopy có công chứng Giấy phép Môi trường được cấp cho bên A (nếu có).

4.2. Trách nhiệm của bên B

4.2.1. Trách nhiệm của bên B1

- Phối hợp, tạo điều kiện và thông báo tới bên B2 trong việc bên B1 tổ chức, quản lý và thực hiện việc xây dựng phương án thu gom và xử lý chất thải.
- Cam kết có đầy đủ chức năng theo quy định pháp luật để thực hiện các công việc như thoả thuận tại hợp đồng này.
- Chịu trách nhiệm thực hiện xử lý chất thải và cung cấp hồ sơ, giấy tờ, chứng từ hợp lệ cho bên A sau khi đã xử lý xong chất thải và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xử lý chất thải của mình.
- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với chất thải của bên A.
- Xác nhận chứng từ chất thải và xuất hóa đơn cho bên A.
- Gửi cho bên A những giấy phép hoạt động quản lý chất thải có liên quan (bản công chứng có giá trị) để bên A giải trình khi có sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương.
- Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A và B2 để cùng phối hợp giải quyết.

4.2.2. Trách nhiệm của bên B2

- Phối hợp với bên B1 trong việc bên B1 tổ chức, quản lý và thực hiện sắp xếp phương tiện chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để thu gom chất thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam (Bên B2 không tham gia trực tiếp quá trình thu gom và xử lý chất thải).
- Chịu trách nhiệm hỗ trợ bên B1 trong việc bên B1 thu gom, bốc xếp chất thải của bên A mỗi khi phát sinh.
- Có trách nhiệm cùng đối chiếu, tổng hợp công nợ hàng tháng với bên A và B1, sau khi bên B1 xuất hóa đơn, bên B2 gửi hóa đơn về công ty của bên A.
- Có trách nhiệm giám sát bên B1 hoàn thành công việc theo đúng quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5. BẢO MẬT

- 5.1. Hợp đồng này và các giấy tờ, tài liệu liên quan đến hợp đồng này là tài liệu riêng của các bên tham gia hợp đồng và không bên nào được tiết lộ cho bên thứ ba (*trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật*) nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của bên còn lại.
- 5.2. Bên A không được tiết lộ hoặc cung cấp cho người khác các bí mật liên quan đến hoạt động thương mại, bí quyết kinh doanh của bên B1 và bên B2 trong thời gian các bên hợp tác và trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ khi hợp đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 6. BẤT KHẢ KHÁNG

- 6.1. Nếu một trong các bên bị ngăn cản hay bị chậm trễ trong việc thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào trong hợp đồng bởi các sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát của mình thì sự kiện này được coi là bất khả kháng, bên còn lại sẽ được coi là không có lỗi và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào với bên kia theo hợp đồng này.
- 6.2. Các sự kiện được coi là bất khả kháng là: Chiến tranh, bạo động, sự thay đổi chính sách của chính phủ, cháy nổ, lũ lụt, động đất hoặc các điều kiện tự nhiên không bình thường khác...
- 6.3. **THỎA THUẬN SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**
- 6.4. Hợp đồng này có thể sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên. Việc sửa đổi có thể dưới dạng hợp đồng sửa đổi, bổ sung hoặc phụ lục hợp đồng và sẽ tạo thành bộ phận không tách rời của hợp đồng này.
- 6.5. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - Hợp đồng hết hạn và không được gia hạn theo thỏa thuận của các bên;
 - Các bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Trong trường hợp đó, các bên sẽ thỏa thuận các điều kiện cụ thể liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng;
 - Một trong các bên bị thanh lý, giải thể hoặc đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp đó, các bên sẽ thỏa thuận cách thức chấm dứt hợp đồng hoặc thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 7.1. Hợp đồng có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký.
- 7.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khó khăn hay thay đổi ngoài dự tính, các bên phải thông báo cho nhau kịp thời, cùng bàn bạc giải quyết

ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 8.1. Các bên cam kết rằng trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến hợp đồng này sẽ cùng thương lượng giải quyết trên cơ sở hữu nghị, hợp tác và trung thực.
- 8.2. Tuy nhiên bất chấp những cố gắng của các bên, vào bất cứ thời điểm nào, bất cứ bên nào cho rằng tranh chấp đó không thể được giải quyết hữu nghị thông qua thương lượng, bên này sẽ có thể gửi thông báo về tranh chấp này ("thông báo tranh chấp") tới bên kia và đưa ra những nội dung ngắn gọn về tranh chấp. Nếu tranh chấp này không được giải quyết thông qua việc tiếp tục thương lượng trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày gửi thông báo tranh chấp, tranh chấp sẽ được giải quyết tại toà án có thẩm quyền tại Hà Nội theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Handwritten signature



- 9.1. Các bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều kiện và điều khoản nêu trên.
- 9.2. Trong trường hợp giá cả thị trường có biến động từ 10% trở lên, một trong các bên có quyền gửi văn bản đề nghị xem xét và điều chỉnh.
- 9.3. Trong quá trình thực hiện, mọi sự thay đổi, bổ sung, chi tiết hoá sẽ được các bên thống nhất lập thành phụ lục không tách rời của hợp đồng này.
- 9.4. Hợp đồng được lập bằng 06 (sáu) bản bằng tiếng Việt mỗi bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiên Phong

ĐẠI DIỆN BÊN B1



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hương

ĐẠI DIỆN BÊN B2



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lâm Hồng Diệp

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Của Công ty TNHH sản xuất xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 2 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường đối với các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH sản xuất xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh đăng ký và cam kết; theo đề nghị tại văn bản số 05/TMBN ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Công ty TNHH sản xuất xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh về việc đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường của dự án Sản xuất xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ.

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HUYỆN VIỆT YÊN XÁC NHẬN

Điều 1. Xác nhận Đề án bảo vệ môi trường cho Công ty TNHH sản xuất xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh theo nội dung đã đăng ký và cam kết của bản Đề án bảo vệ môi trường đã được xây dựng (đính kèm cùng giấy xác nhận này).

Điều 2. Công ty TNHH sản xuất xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường đã đăng ký trong đề án được xác nhận và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Về quản lý và xử lý chất thải



PHÓ GIÁM ĐỐC

- Hoàn thiện hệ thống thu gom nước mưa ở các khu vực hành chính, sân và đường nội bộ của Công ty.

- Hoàn thiện hệ thống xử lý khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị để giảm hơi xăng dầu phát tán ra môi trường xung quanh. Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh. Không cho xe ô tô nổ máy khi giao nhận hàng.

- Công ty phải thực hiện thu gom chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất và quá trình sinh hoạt, đặc biệt chú ý đến lượng chất thải rắn nguy hại cần phải có biện pháp phân loại ngay tại nguồn phát sinh, thu gom và có biện pháp xử lý đúng quy định. Yêu cầu phải có hợp đồng với cơ quan chức năng, tổ chức cá nhân làm công tác thu gom, vận chuyển đổ chất thải đúng nơi quy định.

2. Thực hiện quan trắc môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận, định kỳ tối thiểu 02 lần/năm báo cáo kết quả quan trắc môi trường về Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Việt Yên để kiểm tra, giám sát.

3. Thời hạn hoàn thành các công trình xử lý nước thải, khí thải và bảo vệ môi trường thực hiện theo đúng đề án đã được xác nhận, chậm nhất không quá ngày 30 tháng 3 năm 2010. Quá thời hạn nêu trên Công ty TNHH sản xuất xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh không thực hiện hoặc thực hiện không hoàn chỉnh sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật; ngoài các hình thức xử phạt, khắc phục ô nhiễm tùy mức độ còn có thể bị tạm thời đình chỉ, cấm hoạt động hoặc buộc di dời đi nơi khác phù hợp với sức chịu tải của môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi hoàn thành các nội dung của Đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận, Công ty TNHH sản xuất xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh phải có văn bản báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Việt Yên về các nội dung đã hoàn thành hệ thống xử lý môi trường để Phòng để kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Đề án bảo vệ môi trường của Công ty TNHH sản xuất xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ và thương mại Bắc Ninh và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Giấy xác nhận này làm cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Công ty theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

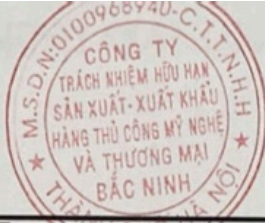
Nơi nhận:

- UBND huyện
- Chủ dự án;
- UBND xã Hoàng Ninh;
- Lưu TNMT.

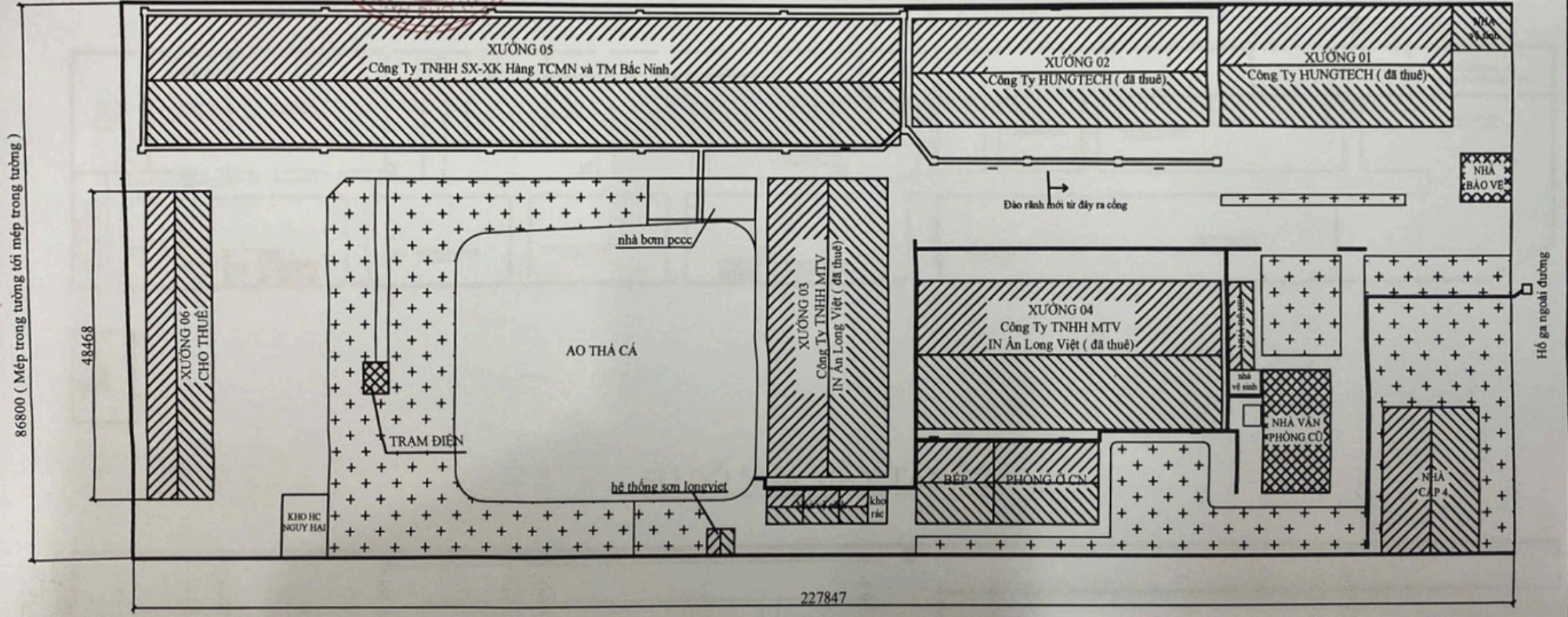
TRƯỞNG PHÒNG



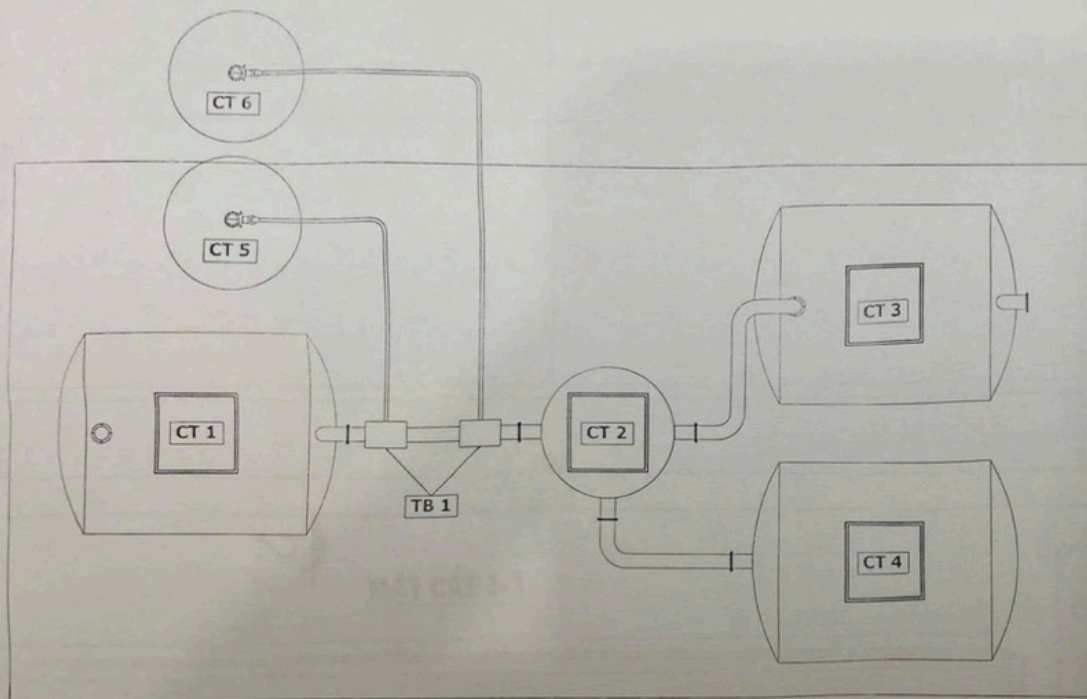
Đoàn Bá Toàn



MẶT BẰNG CHUNG



BẢN VẼ MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ



CHÚ GIẢI

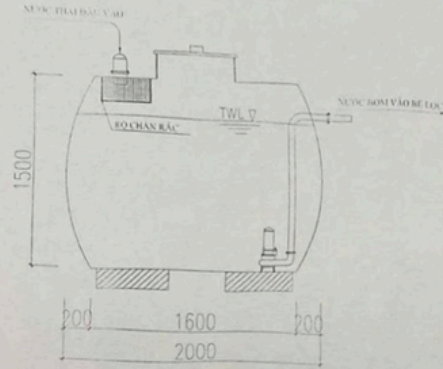
- CT 1** BÈ ĐIỀU HÒA
- TB 1** ỐNG PHẢN ỨNG
- CT 2** BÈ LỌC
- CT 3** BÈ CHỨA NƯỚC SẠCH
- CT 4** BÈ CHỨA BÙN
- CT 5** BÈ CHỨA HC KEO TỤ
- CT 6** BÈ CHỨA HC TẠO BÓNG



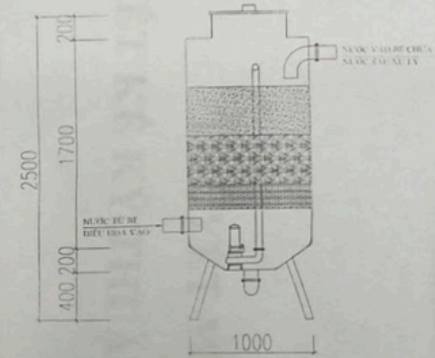
CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TRÌNH	ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG	ĐÌNH TRẦN	GIÁM ĐỐC	KIỂM TRA	NGƯỜI VẼ	THAY ĐỔI	HANG MỤC:	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	GIAI ĐOẠN: T	
							STT	NGÀY	NỘI DUNG	TÊN BẢN VẼ:	NGÀY HT: 2
							▲			MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ	SỐ HIỆU BV: C

CHI TIẾT CÁC BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

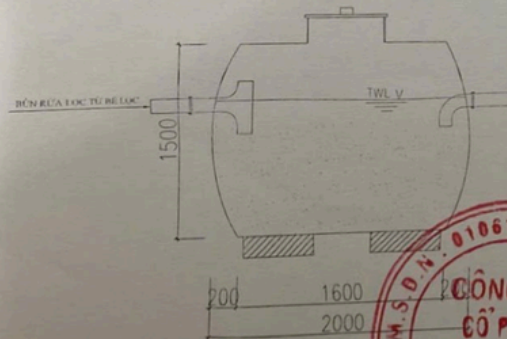
CHI TIẾT BỂ ĐIỀU HÒA



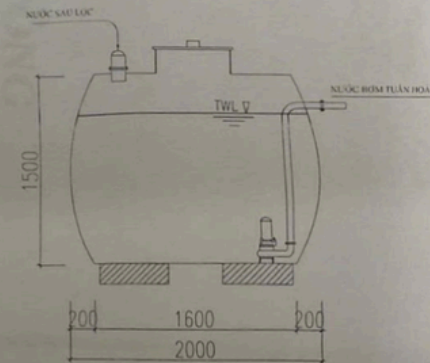
CHI TIẾT BỂ LỌC



CHI TIẾT BỂ CHỨA BÙN

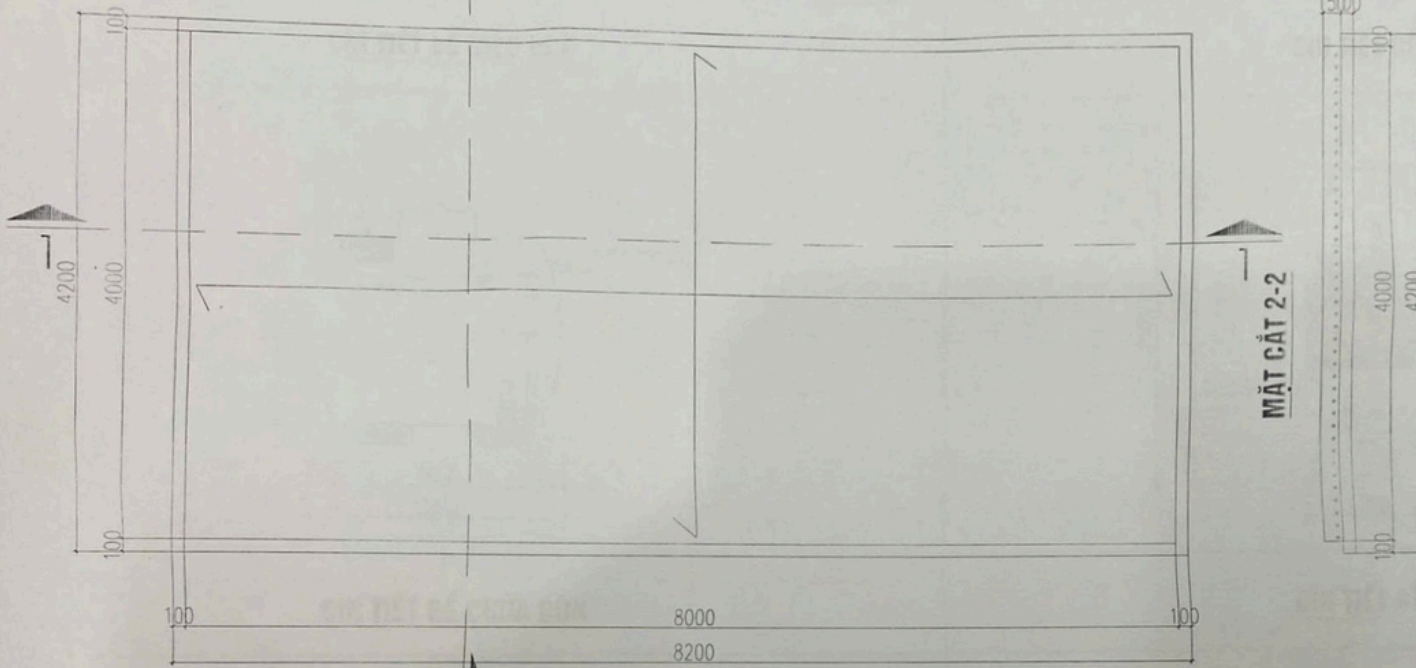


CHI TIẾT BỂ CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ

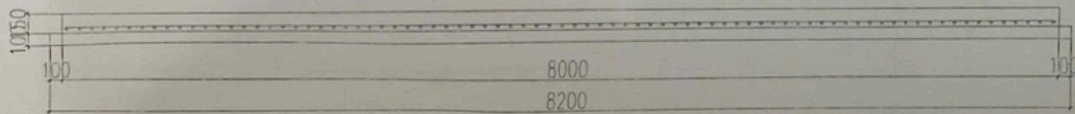


CHỦ ĐẦU TƯ		GIÁM ĐỐC		KIỂM TRA		NGƯỜI VẼ		THAY ĐỔI		HANG MỤC:	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	GIẢI ĐOẠN: TKTC
CÔNG TRÌNH								STT	NGÀY	NỘI DUNG	TÊN BẢN VẼ:	NGÀY HT:
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG	ĐÌNH TRÂM							▲			CHI TIẾT BỂ XỬ LÝ NƯỚC	SỐ HIỆU BV: CN - 01

CHI TIẾT MÓNG ĐỒ THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC



MẶT CẮT 1-1



GHI CHÚ

- BÊ TÔNG CẤP ĐỘ BỀN B20 (MÁC 250#)
- CỐT THÉP CÓ ĐƯỜNG KÍNH > 10 NHÓM CII, B_s 280MP ĐỊNH HẸN HÀNH
- CỐT THÉP CÓ ĐƯỜNG KÍNH ≤ 10 NHÓM CI, B_s 220MP ĐỊNH HẸN HÀNH
- THỐNG KÊ CỐT THÉP CHO TOÀN BỘ CẤU KIỆN

TÊN C.KIỆN	SỐ T.T	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	CHIỀU DÀI 1 THANH mm	CHIỀU DÀI mm	SỐ LƯỢNG	TỔNG CHIỀU DÀI m	KHỐI LƯỢNG KG
THỐNG KÊ MÓNG ĐỒ THIẾT BỊ	1	150 8000 150	12	8300	27	224.1	199.489
	2	150 4000 150	12	4300	54	232.2	206.658
	3						
	4						



CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ THI CÔNG	GIÁM ĐỐC	KIỂM TRA	NGƯỜI VẼ	THAY ĐỔI	HẠNG MỤC	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	GIẢI ĐOẠN: TKTC
CÔNG TRÌNH					STT	NGÀY	NỘI DUNG	NGÀY HT.
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG	ĐÌNH TRÂM, 1				Δ			SỐ HIỆU BV: CN: 02
					Δ		SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ	